

THÁNG 9 | 2010



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VẠN XUÂN

NIÊM YẾT TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VẠN XUÂN



(Giấy CNĐKKD số 0103012120 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 05 năm 2006. Giấy CNĐKKD thay đổi lần thứ 07 ngày 14 tháng 05 năm 2010 được đổi thành số 0101932231 theo số Mã số thuế)

ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: .../ĐKNY do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...)

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân

Địa chỉ : Xóm Đình, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
Địa chỉ liên hệ : 85 Trần Điền, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 36403503
Website : www.vatel.com.vn

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 10 Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 222 00 672 Fax: (84.4) 222 00 669
Website : www.bsc.com.vn
Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 3 821 888 6 Fax: (84.8) 3 821 8510

Phụ trách công bố thông tin

Ông : **Vũ Tuấn Đức** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Điện thoại : (84.4) 364 03 503 Fax: (84.4) 364 03 560



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VẠN XUÂN

(Giấy CNĐKKD số 0103012120 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 05 năm 2006. Giấy CNĐKKD thay đổi lần thứ 07 ngày 14 tháng 05 năm 2010 được đổi thành số 0101932231 theo số Mã số thuế)

ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Viễn Thông Vạn Xuân
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết	: 1.200.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	: 12.000.000.000 Đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam

Địa chỉ : Số 160 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3868 9566 Fax: (84.4) 3868 6248

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 10 Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 222 00 672 Fax: (84.4) 222 00 669
Website : www.bsc.com.vn
Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 3 821 888 3 Fax: (84.8) 3 821 8510

MỤC LỤC

PHẦN 1: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ	1
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	2
3. RỦI RO ĐẶC THÙ	3
4. RỦI RO THANH KHOẢN	3
5. RỦI RO KHÁC	4
PHẦN 2: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT	5
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	5
PHẦN 3: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	6
PHẦN 4: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	7
1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY.....	7
2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	10
2.1. Các sự kiện quan trọng của Công ty	10
2.2. Quá trình tăng vốn điều lệ	11
3. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.....	13
3.1. Đại hội đồng cổ đông	15
3.2. Ban kiểm soát.....	15
3.3. Hội đồng quản trị.....	15
3.4. Ban Tổng Giám đốc.....	16
3.5. Các phòng chức năng.....	17
a. Phòng Kỹ thuật và Kinh doanh	17
b. Phòng Kinh tế Tài chính.....	17
c. Phòng Hành chính Nhân sự.....	17
d. Các xí nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện	18
4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	19

5.	DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC	20
5.1.	Công ty mẹ của Công ty	20
5.2.	Danh sách các công ty con của Công ty	20
5.3.	Danh sách các công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối	20
5.4.	Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối Công ty	20
6.	HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	20
6.1.	Giá trị dịch vụ và sản phẩm	20
a.	Tư vấn thiết kế các công trình Bưu chính Viễn thông	20
b.	Xây lắp công trình thông tin viễn thông	22
c.	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm phần mềm	22
d.	Đào tạo nguồn nhân lực, cấp chứng chỉ liên quan đến xây dựng cơ bản	23
e.	Cung cấp, quản lý hệ thống giám sát hành trình xe.	23
6.2.	Các yếu tố đầu vào	27
6.3.	Chi phí sản xuất	27
6.4.	Trình độ công nghệ	29
6.5.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	29
6.6.	Hoạt động marketing	30
6.7.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	30
6.8.	Các hợp đồng và dự án lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết	31
7.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	33
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh	33
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	34
8.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH	35
8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành	35
8.2.	Điểm mạnh điểm yếu, cơ hội và thách thức của Công ty	35
8.3.	Triển vọng của ngành	36

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành.....	38
9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	39
9.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động	39
9.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp	39
10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	40
11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	40
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	40
11.2. Các chỉ tiêu tài chính	44
12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG .	45
12.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT	45
12.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên BKS	52
12.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc	55
12.4. Sơ yếu lý lịch kế toán trưởng	55
13. TÀI SẢN	57
14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	57
15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	59
16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY.....	59
17. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	59
PHẦN 5: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	60
1. LOẠI CHỨNG KHOÁN.....	60
2. MỆNH GIÁ	60
3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	60
4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG	60
4.1. Cổ đông sáng lập	60
4.2. Cổ đông nội bộ bị hạn chế chuyển nhượng.....	61
4.3. Cổ đông thường bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Công ty.....	62



5.	PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	62
6.	GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	62
7.	CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN	63
PHẦN 6: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT		64

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Chi tiết các đợt tăng vốn.....	12
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 15.09.2010.....	19
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu từ 2008 đến 30.06.2010	25
Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp từ 2008 đến 30.06.2010	26
Bảng 5: Tỷ trọng các khoản mục chi phí kinh doanh so với doanh thu thuần	28
Bảng 6: Một số tiêu chuẩn, quy phạm áp dụng cho sản phẩm của Công ty.....	30
Bảng 7: Danh sách các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện	31
Bảng 8: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính từ 2008 đến 30.06.2010	33
Bảng 9: Cơ cấu lao động tại 30.06.2010.....	39
Bảng 10: Số khấu hao năm cho các loại tài sản cố định.....	40
Bảng 11: Chi tiết hàng tồn kho từ 2008 đến 30.06.2010	41
Bảng 12: Chi tiết các khoản phải nộp Nhà nước từ 2008 đến 30.06.2010.....	41
Bảng 13: Chi tiết các quỹ từ 2008 đến 30.06.2010	42
Bảng 14: Chi tiết các khoản nợ vay 2008 đến 30.06.2010.....	43
Bảng 15: Chi tiết các hợp đồng vay tại thời điểm 30.06.2010	43
Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu từ 2008 đến 30.06.2010.....	43
Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả từ 2008 đến 30.06.2010 (trừ nợ vay).....	44
Bảng 18: Chi tiết chỉ tiêu tài chính từ 2008 đến 2009	44
Bảng 19: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Bảng 20: Danh sách thành viên Ban kiểm soát	52
Bảng 21: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc	55
Bảng 22: Chi tiết tài sản cố định tại 30.06.2010	57
Bảng 23: Kế hoạch sản xuất kinh doanh từ 2010 - 2012	57
Bảng 24: Danh sách cổ đông nội bộ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và quy định của Công ty	61

MỤC LỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Số người truy cập internet trên 100 dân tại Việt Nam	1
Hình 2: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	14
Hình 3: Quy trình dịch vụ tư vấn thiết kế các công trình bưu chính viễn thông.....	21
Hình 4: Quy trình xây lắp công trình thông tin viễn thông	22
Hình 5: Cơ cấu doanh thu từ 2008 đến 30.06.2010	25
Hình 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp từ 2008 đến 30.06.2010	26
Hình 7: Cơ cấu chi phí kinh doanh từ 2008 đến 30.06.2010	28

PHẦN 1: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, qua đó gián tiếp có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu của Công ty.

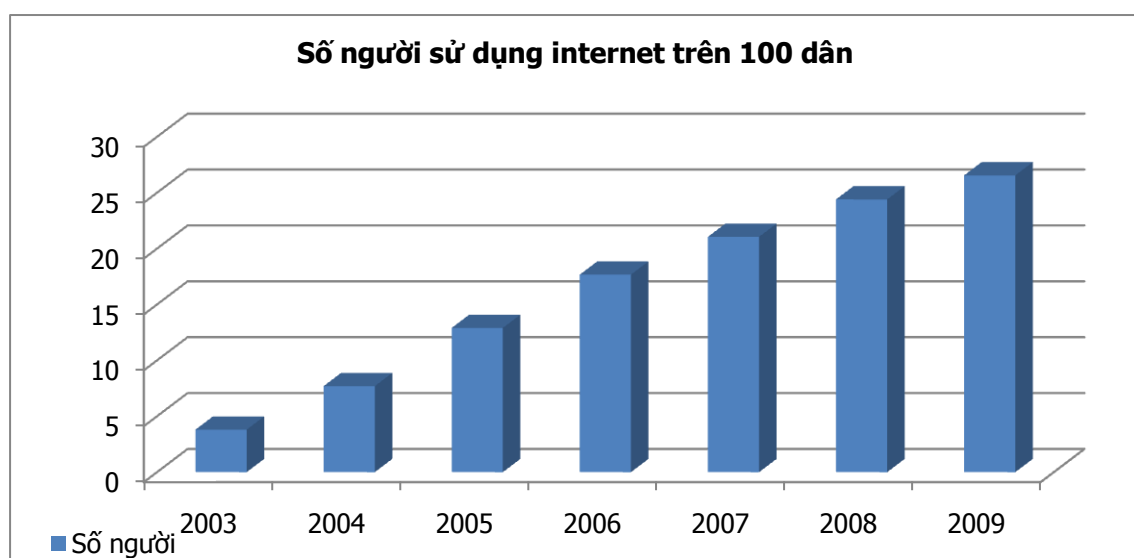
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất ngân hàng, tình hình lạm phát, v.v. đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Thực tế tại Việt Nam và một số nền kinh tế đang phát triển cho thấy, tốc độ phát triển của ngành viễn thông và công nghệ thông tin thường nhanh hơn tốc độ tăng trưởng GDP. Sự ổn định của ngành viễn thông và công nghệ thông tin Việt Nam được thể hiện rõ qua năm tài chính khó khăn 2009 khi ngành viễn thông và công nghệ thông tin vẫn giữ được tốc độ phát triển cao (thể hiện ở tỉ lệ người sử dụng internet và thuê bao điện thoại tăng mạnh). Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, trong các năm tới, kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng chậm lại theo xu thế của kinh tế thế giới, nhưng vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng GDP khá cao. Việc ngành viễn thông và công nghệ thông tin Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ phát triển cao hơn tốc độ tăng GDP sẽ là một điều kiện vĩ mô thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Vạn Xuân nói riêng. Do đó, rủi ro sụt giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động của Công ty.

Hình 1: Số người truy cập internet trên 100 dân tại Việt Nam



Nguồn: Bộ Thông tin và truyền thông

Lạm phát

Trong những năm gần đây, Việt Nam phải đối mặt với lạm phát tăng từ 6,6% năm 2006 lên tới 12,6% năm 2007 và tăng mạnh vào năm 2008 với chỉ số giá tiêu dùng kỷ lục trong hai thập kỷ qua, 19,89% (Tổng Cục Thống kê). Những con số này vượt xa so với con số tăng trưởng kinh tế. Tốc độ lạm phát cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế, chắc chắn sẽ tác động tới các doanh nghiệp nói chung và Vạn Xuân nói riêng. Để đối phó với vấn đề này, Công ty luôn tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý chi phí sản xuất kinh doanh, tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý phù hợp, kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý linh hoạt nhằm tối thiểu hóa chi phí và giảm thiểu ảnh hưởng của yếu tố lạm phát đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2009, chỉ số giá tiêu dùng đã được Chính phủ kiểm soát thành công xuống còn 6,88% (Tổng cục Thống kê). Năm 2010, chỉ tiêu này dự kiến sẽ biến động trong khoảng 7-8% nên hiện tại lạm phát không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lãi suất

Tại thời điểm cuối năm 2009, nợ vay ngân hàng chỉ chiếm hơn 30% tổng nguồn vốn của Công ty và chi phí lãi vay chỉ chiếm khoảng 6% tổng chi phí kinh doanh nên sự biến động của lãi suất không ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty do Công ty có hoạt động kinh doanh thiết bị đầu cuối cho hành trình xe và tư vấn thiết kế viễn thông cho nước ngoài. Tuy nhiên sự tác động của tỷ giá hối đoái tới kết quả kinh doanh của Công ty không nhiều do 02 hoạt động này chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu và giá vốn của Công ty. Ngoài ra Công ty luôn thực hiện dự báo tỷ giá và có phương pháp nhập hàng thích hợp để giảm tối đa rủi ro này.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Đấu thầu 2005, v.v. Trong thực tế, các văn bản luật này, cũng như các văn bản hướng dẫn dưới luật liên quan còn khá nhiều bất cập và chưa phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Những yếu tố này có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và đang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, v.v. Việc đăng ký niêm yết và huy động trên thị trường chứng

khoản là những lĩnh vực còn rất mới mẻ. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro kinh doanh

Sự phát triển nhanh về công nghệ trong khu vực và trên thế giới với chu kỳ thay đổi công nghệ ngày càng ngắn sẽ là một sức ép lớn đã đặt các công ty hoạt động trong lĩnh vực viễn thông Việt Nam trước nguy cơ tiềm ẩn tụt hậu về công nghệ nếu không có chiến lược sản phẩm linh hoạt. Đây là rủi ro kinh doanh lớn nhất của Vạn Xuân. Nếu sự thay đổi về công nghệ diễn ra quá nhanh, sản phẩm sản xuất ra hay hàng hoá nhập về không tiêu thụ được do không còn tính thương mại vì không tương thích và lạc hậu. Công ty sẽ lãng phí vốn đầu tư, chí phí, thời gian và lực lượng lao động.

Sự thay đổi lớn nhất tác động đến Vạn Xuân là khi Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) chuyển công nghệ từ sử dụng cáp đồng sang sử dụng cáp quang. Điều này dẫn đến giá trị xây lắp của các công trình viễn thông giảm đi đáng kể, dẫn đến giá trị tư vấn thiết kế giảm theo. Bên cạnh đó chủ trương đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp viễn thông cũng giảm nhiều dẫn đến các công trình đầu tư chỉ mang tính sửa chữa, thay thế thay vì đầu tư mới. Điều này làm cho chi phí của đơn vị tư vấn tăng lên nhưng giá trị thiết kế được hưởng lại giảm đi. Để hạn chế rủi ro này, Vạn Xuân đẩy mạnh chiến lược đa dạng hoá khách hàng để tránh rủi ro phụ thuộc vào một số khách hàng cụ thể.

Rủi ro về cạnh tranh

Ngành Bưu chính viễn thông hiện nay đang có tốc độ phát triển thuộc hàng cao nhất của nền kinh tế nhưng kèm theo đó là áp lực cạnh tranh vô cùng khốc liệt. Hoạt động trong thị trường viễn thông và công nghệ thông tin Việt Nam có hàng nghìn doanh nghiệp tham gia. Việc Việt Nam đã gia nhập WTO đã giúp các doanh nghiệp trong ngành có khả năng tiếp cận nhiều cơ hội kinh doanh hơn nhưng phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với một công ty có tiềm lực tài chính nhỏ như Vạn Xuân. Hơn nữa, khách hàng của Công ty phần lớn là các doanh nghiệp hoạt động trong ngành Bưu chính viễn thông. Do đó, những thay đổi có thể có trong chính sách mua hàng của các doanh nghiệp này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động của Công ty.

4. RỦI RO THANH KHOẢN

Khi niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty có thể gặp phải rủi ro thanh khoản do số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty nhỏ (1.200.000 cổ phiếu),

trong đó 507.125 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng đến tháng 4 và 5 năm 2011 (theo quy định của Công ty). Để cải thiện vấn đề thanh khoản, đồng thời để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng lộ trình tăng Vốn Điều lệ lên 20 tỷ và 28 tỷ trong năm 2011 và 2012.

5. RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, Công ty còn chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, v.v. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

PHẦN 2: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Ông **Trần Như Canh**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông **Vũ Tuấn Đức**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông **Nguyễn Bá Đồng**

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Bà **Trần Thị Thu Thanh**

Chức vụ: Phó Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân cung cấp.

PHẦN 3: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- ◆ **"Công ty", "Tổ chức phát hành", "Vạn Xuân"**: Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
- ◆ **"Cổ phiếu"**: Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
- ◆ **"Bản cáo bạch"**: Bản công bố thông tin của Vạn Xuân về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư
- ◆ **"Ban kiểm soát"**: Ban kiểm soát của Vạn Xuân
- ◆ **"Đại hội đồng cổ đông"**: Đại hội đồng cổ đông của Vạn Xuân
- ◆ **"Hội đồng quản trị"**: Hội đồng quản trị của Vạn Xuân
- ◆ **"Tổ chức tư vấn"**: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
- ◆ **"Tổ chức kiểm toán"**: Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt được viết trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:

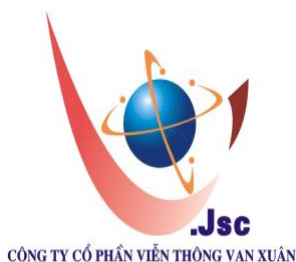
- ◆ BGD : Ban Giám đốc
- ◆ BKS : Ban kiểm soát
- ◆ BSC : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
- ◆ CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ◆ CMND : Chứng minh nhân dân
- ◆ CP : Cổ phần
- ◆ CPQLDN : Chi phí quản lý doanh nghiệp
- ◆ CPSXKDDD : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- ◆ CTCP : Công ty cổ phần
- ◆ ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ◆ ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- ◆ GCN : Giấy chứng nhận
- ◆ HĐQT : Hội đồng quản trị
- ◆ NH : Ngân hàng
- ◆ NQ : Nghị quyết
- ◆ PH : Phát hành
- ◆ SGDCK HN : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- ◆ TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- ◆ TSCĐ : Tài sản cố định
- ◆ VATEL : Công ty cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
- ◆ VND : Việt Nam Đồng

PHẦN 4: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
- Tên Tiếng Anh : VAN XUAN TELECOM Joint Stock Company
- Tên viết tắt : VATEL

- Logo của Công ty :



- Vốn Điều lệ : 12.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ trụ sở chính : Xóm Đình, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ liên hệ : 85 Trần Điền, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 364 03 503
- Fax : (84.4) 364 03 560
- Website : www.vatel.com.vn
- Email : support@vatel.com.vn
- Mã số thuế : 0101 93 22 31

Tâm nhìn của Công ty

Trở thành Công ty đa ngành với 04 lĩnh vực chính:

- Tư vấn thiết kế
- Cung cấp dịch vụ giám sát hành trình xe
- Xây lắp các công trình viễn thông
- Đào tạo về đấu thầu, giám sát thi công và kỹ sư đánh giá xây dựng

Chiến lược của Công ty

Chú trọng vào các hoạt động kinh doanh với lợi nhuận biên cao để gia tăng giá trị cho cổ đông.

Các lĩnh vực hoạt động

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101932231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 14 tháng 05 năm 2010, Công ty được hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Lập dự án đầu tư các công trình viễn thông, mạng tin học, mạng điện tử, mạng phát thanh truyền hình, hệ thống chống sét, nội thất (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ cho phép);
- Lập tổng dự toán các công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông, điện tử, tin học và chống sét;
- Kinh doanh vật tư ngành bưu chính viễn thông;
- Đại lý kinh doanh các dịch vụ bưu chính, viễn thông;
- Buôn bán Ô tô, xe máy, sắt, thép, vật liệu xây dựng;
- Cung cấp dịch vụ giải trí trên truyền hình, báo chí (theo quy định của Nhà nước); cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng di động;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất, lắp ráp máy tính và thiết bị tin học; Sản xuất phần mềm;
- Tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển ứng dụng và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, cơ điện lạnh, tự động hóa (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Mua bán, đại lý, ký gửi các sản phẩm công nghệ và thiết bị điện tử, tin học, viễn thông, cơ điện lạnh, tự động hóa và điều khiển;
- Thẩm định tổng dự toán các công trình xây dựng;
- Thẩm định hồ sơ mời thầu, dự thầu;
- Thẩm định thiết kế các công trình thông tin, bưu chính viễn thông, điện – điện tử (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề);
- Dậy nghề: tin học, ngoại ngữ, kinh tế, xây dựng, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Đào tạo ngắn hạn về: kỹ sư định giá xây dựng; tư vấn giám sát xây dựng công trình; đào tạo trong lĩnh vực xây dựng công trình, quản lý dự án, quản lý kinh tế, giao thông (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về: môi giới, định giá bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ kiểm tra chất lượng công trình xây dựng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khảo sát trắc địa công trình;

- Tư vấn đầu tư xây dựng và quản lý các nhà máy phát điện sử dụng năng lượng sạch có quy mô vừa và nhỏ (năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối, năng lượng sóng biển, thủy điện);
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án bảo vệ môi trường, triển khai chuyển giao công nghệ xử lý môi trường, chất thải và nước sạch, vệ sinh môi trường;
- Tư vấn đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và thủy điện (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Khoan thăm dò, khoan khai thác khoáng sản (không bao gồm khoan khảo sát), nước ngầm, xử lý nền móng;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng, phát triển các loại công nghệ mới về tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- Khảo sát các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, xây dựng và các công trình phụ trợ khác. Đo đạc bản đồ; Khảo sát thiết kế các công trình Công ty được phép thiết kế (không bao gồm khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, khảo sát địa chất thủy văn); Khảo sát đại chất công trình; Khảo sát xây dựng;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp phục vụ ngành bưu điện; Thiết kế kết cấu cột ăng ten công trình xây dựng; Thiết kế thông tin, bưu chính viễn thông; Thiết kế thông tin – liên lạc, thiết kế điện – điện tử: các công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông, công nghiệp, khu công nghệ cao; Thiết kế quy hoạch, kiến trúc các công trình xây dựng; Thiết kế các công trình giao thông; Thiết kế cấp điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV;
- Giám sát xây dựng – hoàn thiện công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật (lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện); Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, giao thông nông thôn, hạ tầng kỹ thuật (lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện); Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ (lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông.

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2.1. Các sự kiện quan trọng của Công ty

Kể từ khi thành lập Công ty luôn đạt được kết quả kinh doanh khả quan và quy mô Công ty càng ngày càng mở rộng.

2006

- Công ty được thành lập vào ngày 04 tháng 05 năm 2006 với Vốn Điều lệ 4,5 tỷ đồng, 6 nhân sự và chỉ hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế viễn thông.
- Với sự nỗ lực không ngừng của lãnh đạo và nhân viên Công ty, Vạn Xuân vẫn hoạt động có lãi trong năm đầu tiên thành lập.

2007

- Công ty thực hiện phát hành tăng Vốn Điều lệ lên 5,3 tỷ đồng và mở rộng thêm hoạt động kinh doanh phần mềm.
- Tổng số nhân viên của Công ty đã tăng lên tới hơn 30 người.
- Lợi nhuận tăng đột biến làm thu nhập trên mỗi cổ phần (tính trên Vốn Điều lệ 5,3 tỷ đồng) lên tới hơn 5.900 đồng (theo mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng).

2008

- Công ty đã thực sự trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn thiết kế tại Việt Nam với các đối tác là các doanh nghiệp ở cả trong và ngoài Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
- Công ty mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực tư vấn thiết kế kiến trúc, xây dựng, v.v.
- Công ty thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện tại Hà Nội và TPHCM để nắm bắt được các cơ hội kinh doanh trên cả hai miền Nam Bắc.
- Tổng số nhân viên của Công ty tăng lên 45 người.

2009

- Công ty tăng Vốn Điều lệ lên 6,9 tỷ đồng (làm tròn) và đã vươn ra tầm quốc tế với việc mở rộng sản xuất kinh doanh sang thị trường Đông Nam Á, thiết lập các văn phòng, chi nhánh tại Cambodia, Lào.
- Công ty cũng phát triển và hoàn thiện các xí nghiệp, trung tâm có sẵn, thành lập trung tâm công nghệ để nghiên cứu và hình thành sản phẩm giám sát hành trình xe, ngoài ra công ty cũng đã mở thêm mảng xây lắp cột anten tại Cambodia.
- Tổng số nhân viên của Công ty tăng lên 79 người.

2010

- Thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực tư vấn thiết kế viễn thông tiếp tục được khẳng định. Công ty là một trong các doanh nghiệp có thị phần lớn nhất trong lĩnh vực này tại Việt Nam. Công ty đã mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh sang đào tạo lĩnh vực xây dựng cơ bản.
- Đầu năm 2010, Công ty đã chuyển đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng xuống còn 10.000 đồng.
- Ngày 14.05.2010 Công ty đã thực hiện thành công việc tăng Vốn Điều lệ lên 12 tỷ đồng theo Nghị định 01/2010/NĐ-BTC. Sau khi phát hành, số lượng cổ đông của Công ty là 98 người.
- Ngày 18.05.2010, Công ty đã thực hiện mua 68.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ với giá 10.000 đồng/cổ phần theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 18.05.2010 về việc mua cổ phiếu quỹ. Sau khi mua cổ phiếu quỹ, số lượng cổ đông của Công ty là 99 người.
- Tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty đại chúng.

2.2. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ khi thành lập, Công ty đã thực hiện tăng Vốn Điều lệ 03 lần khi Công ty chưa trở thành Công ty đại chúng. Thời gian tăng Vốn Điều lệ như sau:

- Phát hành tăng Vốn Điều lệ lên 5,3 tỷ đồng : Tháng 3 năm 2007
- Phát hành tăng Vốn Điều lệ lên 6,9 tỷ đồng (làm tròn) : Tháng 6 năm 2009
- Phát hành tăng Vốn Điều lệ lên 12 tỷ đồng : Tháng 4 – 5 năm 2010

Bảng 1: Chi tiết các đợt tăng vốn

Thời gian	Nội dung	Căn cứ thực hiện	Số cổ phần phân phối (CP)	Vốn Điều lệ trước tăng vốn (VNĐ)	Vốn Điều lệ sau tăng vốn (VNĐ)	Số cổ đông sau tăng vốn
Tháng 5 2006	Thành lập Công ty	Luật DN 2005	45.000	0	4.500.000.000	3
Tháng 3 2007	Phát hành riêng lẻ	NQ ĐHĐCĐ 2007	8.000	4.500.000.000	5.300.000.000	36
Tháng 6 2009	Phát hành riêng lẻ	NĐ ĐHĐCĐ 2009	16.287 ¹	5.300.000.000	6.928.750.000	49
Tháng 4 2010	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	NQ ĐHĐCĐ 2010	122.037	6.928.750.000	8.149.120.000	46
Tháng 5 2010	Phát hành riêng lẻ	NQ ĐHĐCĐ 2010 NĐ 01/2010/NĐ-BTC	385.088	8.149.120.000	12.000.000.000	98

Nguồn: Vạn Xuân

Ghi chú: Từ tháng 3 năm 2010, mệnh giá cổ phần của Công ty được điều chỉnh từ 100.000 đồng/cổ phần xuống 10.000 đồng/cổ phần.

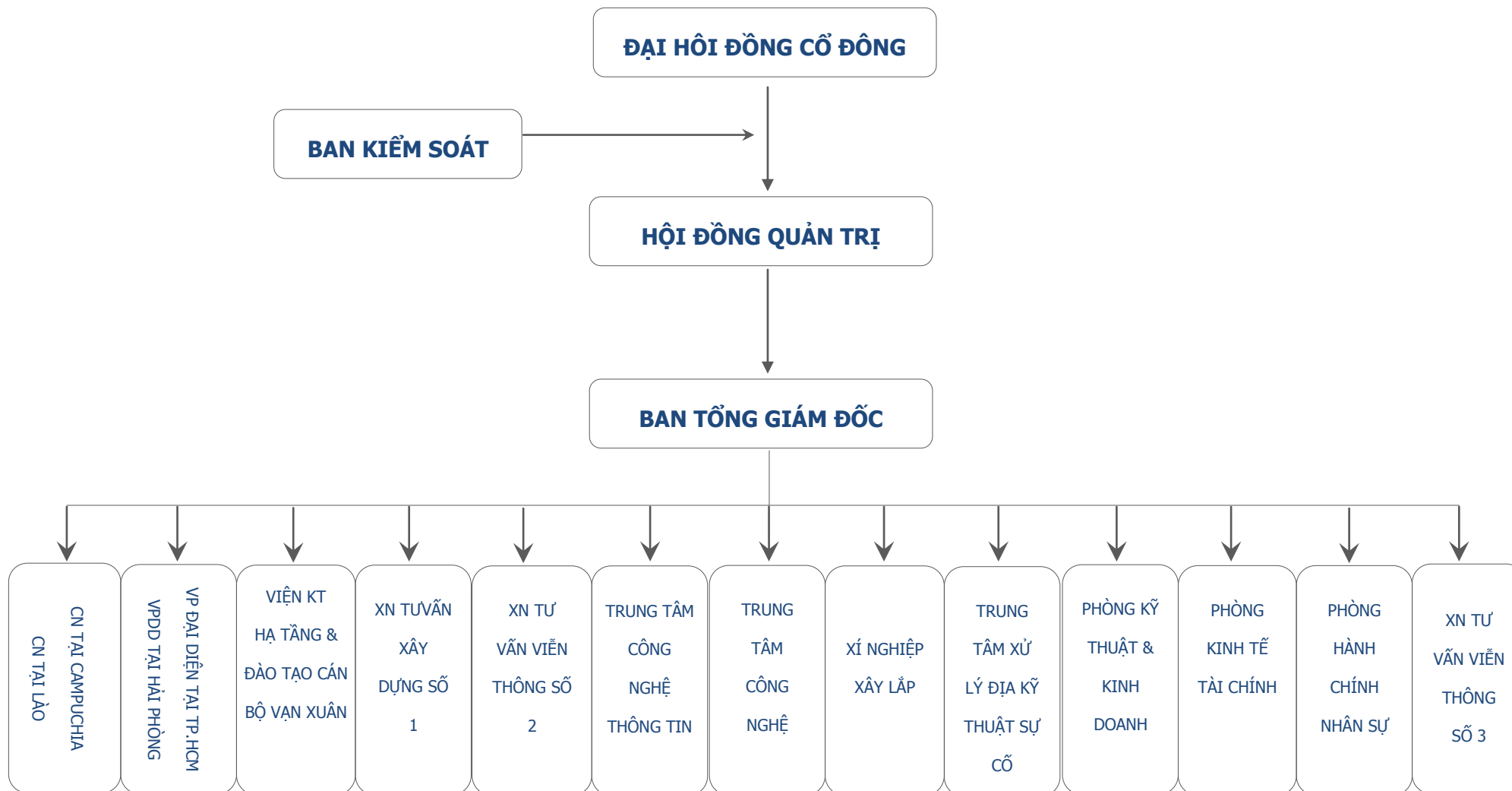
¹ Năm 2009, số cổ phiếu phát hành thành công là 16.287,5 cổ phần, làm tròn thành 16.287 cổ phần.

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Công ty Vạn Xuân được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bản sửa đổi, bổ sung ngày 11 tháng 04 năm 2010;
- Cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, chi tiết theo sơ đồ dưới đây:

Hình 2: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Vạn Xuân

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông (hoặc đại diện của cổ đông) có quyền biểu quyết của Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.

3.2. Ban kiểm soát

Gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông giám sát, đánh giá kết quả kinh doanh và hoạt động quản trị, điều hành của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm.

Ban kiểm soát hiện tại gồm các Ông/Bà sau:

1. Ông Nguyễn Bá Đồng – Trưởng ban
2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhanh - Ủy viên
3. Ông Trần Văn Tân – Ủy viên

3.3. Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 năm.

Hội đồng Quản trị có nhiệm vụ:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Quyết định thành lập, giải thể công ty trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc; Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ.
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ quy định.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân có 5 thành viên.

Hội đồng quản trị hiện tại gồm các Ông sau:

1. Ông Trần Như Canh – Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Ông Vũ Tuấn Đức – Ủy viên;
3. Ông Lương Thế Anh – Ủy viên;
4. Ông Trần Tuấn Dũng – Ủy viên;
5. Ông Diệp Xuân Kiên – Ủy viên.

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm.

Tổng giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm có ký hợp đồng quy định mức lương, lợi ích và các điều khoản liên quan đến việc tuyển dụng. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT, kế hoạch kinh doanh dài hạn và kế hoạch hàng năm. Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty mà không cần có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty theo đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của Điều lệ Công ty;
- Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động tài chính, kết quả kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty trước Hội đồng quản trị;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.
- Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng giám đốc uỷ quyền theo quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc hiện tại gồm các Ông sau:

1. Ông Vũ Tuấn Đức – Tổng Giám đốc;
2. Ông Trần Như Canh – Phó tổng giám đốc;
3. Ông Lương Thế Anh – Phó tổng giám đốc.

3.5. Các phòng chức năng

a. Phòng Kỹ thuật và Kinh doanh

- Chức năng: Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác maketing và xuất nhập khẩu, đặc biệt là xuất nhập khẩu, liên doanh liên kết, hợp tác liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.
- Nhiệm vụ:
 - Tổ chức thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu hàng hoá;
 - Tổ chức xây dựng các hợp đồng kinh doanh, nhập khẩu, đấu thầu, mua bán, đại lý... Không ngừng nâng cao hiệu quả trong hoạt động kế hoạch và kinh doanh xuất nhập khẩu;
 - Phối hợp với các phòng Tài chính - Kế Toán, các xí nghiệp, trung tâm để xây dựng kế hoạch xuất nhập khẩu.

b. Phòng Kinh tế Tài chính

- Chức năng: Quản lý công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty.
- Nhiệm vụ:
 - Tổ chức bộ máy kế toán và thực hiện công tác kế toán của Công ty;
 - Kiểm tra, tổng hợp và phân tích báo cáo quyết toán tài chính tháng, quý, năm toàn Công ty;
 - Đáp ứng đầy đủ, kịp thời tiền vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty phát triển và ổn định;
 - Lập kế hoạch tài chính - đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn cho Công ty; thực hiện việc thanh toán, thu hồi công nợ kịp thời; tổ chức tự kiểm tra định kỳ về tình hình chấp hành các qui định của Nhà nước, của Tổng Công ty và Công ty về quản lý Tài chính - Tín dụng;
 - Phân tích các thông tin Kinh tế - Tài chính - Tín dụng, lập báo cáo phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lập báo cáo công khai tài chính theo đúng qui định của pháp luật;
 - Quản lý các công việc liên quan đến cổ đông và cổ phiếu của Công ty.

c. Phòng Hành chính Nhân sự

- Chức năng: Quản lý công tác tổ chức nhân sự, quản lý lao động, tiền lương và công tác quản trị hành chính của Công ty.
- Nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Tổng giám đốc về tổ chức bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kết hợp với các bộ phận khác tiến hành tuyển dụng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty;
- Quản lý hồ sơ lý lịch CBCNV toàn Công ty, giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, bảo hiểm xã hội, thôi việc, bổ nhiệm, bãi miễn, kỷ luật, nghỉ hưu, khen thưởng, thi đua...;
- Chăm sóc sức khỏe cho người lao động, quản lý hồ sơ sức khỏe của người lao động toàn Công ty;
- Tổ chức phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất và văn - thể - mỹ nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên.
- Quản lý và lưu chuyển công văn, giấy tờ, sổ sách hành chính. Thực hiện công tác lưu trữ các tài liệu thông thường và trọng yếu;
- Giải quyết các vấn đề về nội bộ Công ty như bảo vệ, phương tiện đi lại, phục vụ, mua sắm các loại văn phòng phẩm, quản lý hội trường...

d. Các xí nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện

Xí nghiệp Tư vấn viễn thông và xây dựng số 1

Địa chỉ : 85 Trần Điền, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : +84 4 36403518 Fax : +84 4 36403560

Xí nghiệp Tư vấn viễn thông số 2

Địa chỉ : 85 Trần Điền, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : +84 4 36403518 Fax : +84 4 36403560

Xí nghiệp Tư vấn viễn thông số 3

Địa chỉ : 85 Trần Điền, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : +84 4 36403518 Fax : +84 4 36403560

Trung tâm Công nghệ

Địa chỉ : 85 Trần Điền, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : +84 4 36400888 Fax : +84 4 36403560

Viện kỹ thuật hạ tầng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ Vạn Xuân

Địa chỉ : 85 Trần Điền, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : +84 4 36400888 Fax : +84 4 36403560

Trung tâm Công nghệ thông tin

Địa chỉ : 85 Trần Điền, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : +84 4 36400888 Fax : +84 4 36403560

Văn phòng đại diện TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ : 24A Ngô Đức Kế - P12 Quận Bình Thạnh – TP HCM

Điện thoại : +84 8 35160107 Fax : +84 8 35160107

Văn phòng đại diện Hải Phòng

Địa chỉ : Km 300 + 184 Nguyễn Bình Khiêm, Tp Hải Phòng

Điện thoại : +84 31 3262158 Fax : +84 31 3262158

Chi nhánh tại Lào

Thực hiện tư vấn thiết kế và xây lắp viễn thông tại thị trường Lào

Chi nhánh tại Campuchia

Địa chỉ : Jockey hotel, #115, Street 214, Corner 63, Khan Daun Penh, PhNom Penh, Kingdom of Cambodia

Thực hiện tư vấn thiết kế và xây lắp viễn thông tại thị trường Campuchia

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

- Tại 15.09.2010, Công ty không còn cổ đông sáng lập.
- Tại 15.09.2010, Công ty có 01 cổ đông lớn đồng thời là thành viên chủ chốt của Công ty: ông Trần Như Canh nắm giữ 192.800 cổ phần, tương ứng với 16,07% Vốn Điều lệ.

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 15.09.2010

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Trong nước, trong đó	104	1.200.000	100,00%
<i>Tổ chức</i>	0	-	-
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	-	68.000	5,67%
<i>Cá nhân</i>	104	1.132.000	94,33%
Ngoài nước, trong đó	0	-	0.00%
<i>Tổ chức</i>	0	-	-
<i>Cá nhân</i>	0	-	-
Tổng cộng	104	1.200.000	100.00%

Nguồn: Vạn Xuân

5. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC

5.1. Công ty mẹ của Công ty

Không có

5.2. Danh sách các công ty con của Công ty

Không có

5.3. Danh sách các công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối

Không có

5.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối Công ty

Không có

6. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

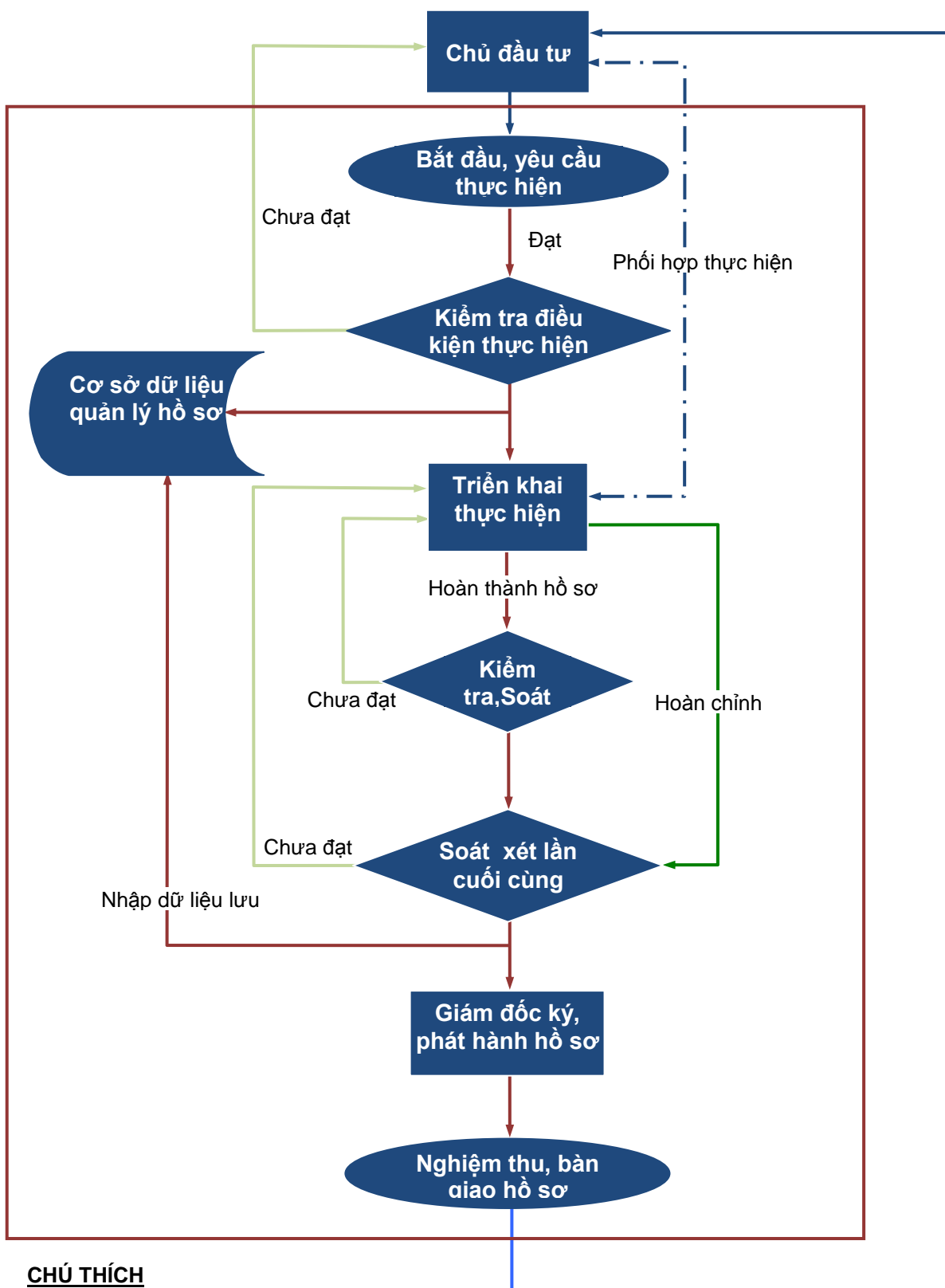
6.1. Giá trị dịch vụ và sản phẩm

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm 05 mảng chính: 1) Tư vấn thiết kế các công trình Bưu chính Viễn thông; 2) Xây lắp công trình thông tin viễn thông; 3) Sản xuất và kinh doanh phần mềm; 4) Đào tạo nguồn nhân lực, cấp chứng chỉ liên quan đến xây dựng cơ bản và 5) Cung cấp, quản lý hệ thống giám sát hành trình xe.

a. Tư vấn thiết kế các công trình Bưu chính Viễn thông

Vạn Xuân cung cấp dịch vụ thiết kế cho các công trình thiết lập hạ tầng mạng, đường truyền hay dịch vụ kỹ thuật viễn thông, cụ thể là các hệ thống đường truyền dẫn hữu tuyến, vô tuyến, cột, trạm phát sóng (BTS), hệ thống bể ngầm, cống ngầm dẫn cáp, v.v. Khách hàng thường xuyên của Công ty là các tập đoàn cung cấp dịch vụ viễn thông (VNPT, Viettel, Vietnam Mobile và EVN Telecom) và các doanh nghiệp viễn thông nước ngoài (Sony Ericson, các hãng viễn thông Campuchia). Dự kiến trong tương lai hoạt động này sẽ đem lại khoảng 40% lợi nhuận cho Công ty.

Hình 3: Quy trình dịch vụ tư vấn thiết kế các công trình bưu chính viễn thông



CHÚ THÍCH

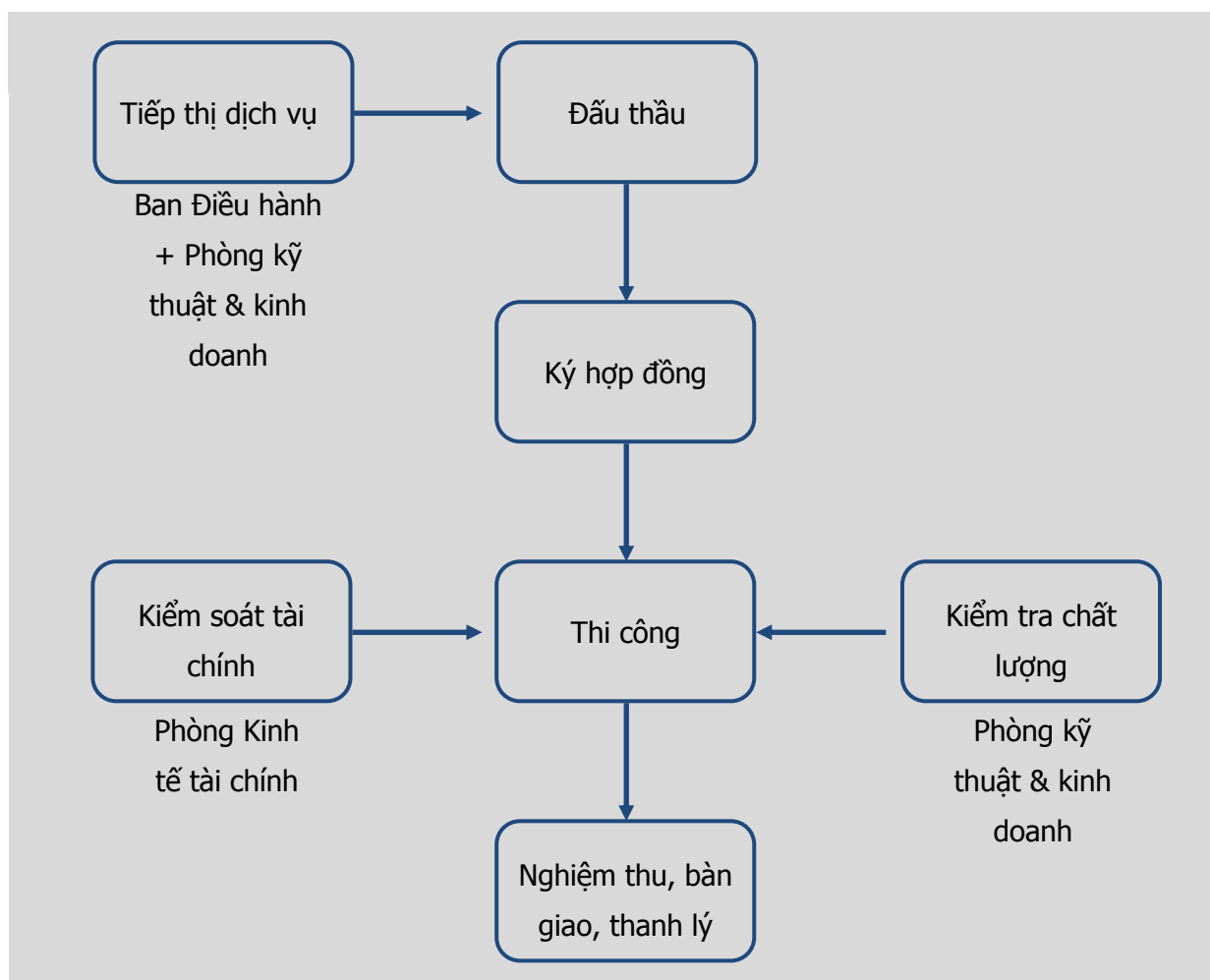
- Phối hợp với Chủ đầu tư
- Yêu cầu bổ sung
- Đáp ứng bổ sung
- ← · · · · · Quan hệ với Chủ đầu tư
- Công việc hoàn thành

Nguồn: Vạn Xuân

b. Xây lắp công trình thông tin viễn thông

Bên cạnh việc cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế các công trình bưu chính viễn thông, Công ty còn thực hiện xây dựng các công trình thông tin viễn thông. Đối với một số công trình ở Campuchia và của Viettel, Công ty thực hiện gói thầu EPC (thực hiện từ thiết kế đến thi công). Dự kiến hoạt động xây lắp sẽ đem lại khoảng 10% lợi nhuận trong tương lai cho Vạn Xuân.

Hình 4: Quy trình xây lắp công trình thông tin viễn thông



Nguồn: Vạn Xuân

c. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm phần mềm

Đây là mảng hoạt động được hưởng ưu đãi lãi suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 123/2004/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2004 về việc hướng dẫn thực hiện ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp phần mềm. Theo Thông tư này, hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm phần mềm của Công ty được được miễn thuế 4 năm đầu tiên (kể từ năm 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Năm 2007, cổ đông của Công ty đã góp vốn 3.470.000.000 đồng bằng nhóm phần mềm ACSGROPU gồm i) phần mềm quản lý tài chính kế toán; ii) phần mềm quản lý tài sản cố định; iii) phần mềm quản lý vật tư; iv) phần mềm quản lý bán hàng. Nhóm phần mềm này được các doanh nghiệp vừa và nhỏ ưa chuộng vì 1) hiệu quả cao, phù hợp với quy mô doanh nghiệp và 2) giá cả hợp lý.

Trong tháng 9 năm 2010, Công ty đã thực hiện bán nhóm phần mềm trên với tổng giá trị là 3.600.000.000 đồng. Như vậy, phần mềm được hình thành từ việc góp vốn của cổ đông năm 2007 không những đã 1) đem lại doanh thu và lợi nhuận trong suốt thời gian từ 2007 đến tháng 8 năm 2010, mà còn 2) đóng góp đáng kể vào hoạt động sản xuất và kinh doanh phần mềm khi được bán trong tháng 9 2010 (hơn 600.000.000 đồng).

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện sản xuất phần mềm theo yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng. Đây sẽ là hoạt động chính đóng góp cho mảng sản xuất và kinh doanh phần mềm của Công ty. Mảng kinh doanh này dự kiến sẽ đóng góp khoảng 20% lợi nhuận của Công ty trong các năm sau.

d. Đào tạo nguồn nhân lực, cấp chứng chỉ liên quan đến xây dựng cơ bản

Với năng lực tư vấn thiết kế hàng đầu tại Việt Nam, với năng lực thi công nhiều công trình viễn thông cho các Tập đoàn viễn thông, Công ty được cấp phép để cấp chứng chỉ liên quan đến xây dựng cơ bản trong lĩnh vực viễn thông như đấu thầu, thiết kế, thi công, v.v. Với các chứng chỉ đã cấp, học viên có thể liên hệ với Sở xây dựng các tỉnh để tiếp tục hoàn tất thủ tục nhận chứng chỉ chuyên ngành do Sở cấp. Khóa học đầu tiên dự kiến sẽ được khai trương vào tháng 7 năm 2010.

Hoạt động này dự kiến sẽ chỉ mang lại khoảng 10% lợi nhuận cho Công ty trong tương lai nhưng sẽ góp phần quảng bá hình ảnh của Công ty rộng rãi.

e. Cung cấp, quản lý hệ thống giám sát hành trình xe.

Công ty cung cấp dịch vụ quản lý và điều hành xe VX01 và VX02. Mỗi hệ thống có thể đáp ứng được 3.000 thuê bao và đóng vai trò như 01 trung tâm giao dịch viễn thông. Ngoài phí dịch vụ ban đầu, Vạn Xuân sẽ thực hiện thu cước phí dịch vụ hàng tháng. Với dịch vụ này, Công ty dự kiến sẽ đáp ứng được nhu cầu của khoảng 2.000 khách hàng gồm các hãng taxi, doanh nghiệp vận tải hàng hóa, hành khách, v.v. Ngoài dịch vụ trên, Vạn Xuân còn kinh doanh thương mại thiết bị đầu cuối viễn thông.

Đây sẽ là hoạt động chủ đạo của Công ty trong tương lai với lợi nhuận dự kiến khoảng 40% tổng lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2008 và 2009, hai hoạt động đem lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty là tư vấn thiết kế và sản xuất, kinh doanh phần mềm, trong đó hoạt động tư vấn thiết kế tăng mạnh trong năm 2009 do Công ty đẩy mạnh hoạt động tư vấn thiết kế tại thị trường nước ngoài (Lào và Campuchia).

Trong 06 tháng đầu năm 2010:

- Hoạt động xây lắp các công trình bắt đầu đem lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Hoạt động tư vấn thiết kế và sản xuất kinh doanh phần mềm đóng góp tỷ trọng không lớn trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty vì 02 hoạt động này thường được cung cấp cho khách hàng thường xuyên. Do đó việc ghi nhận doanh thu thường được thực hiện cuối năm sau khi Công ty và khách hàng thực hiện tất toán các hợp đồng và xây dựng hợp đồng mới cho năm tiếp theo. Cụ thể, trong tháng 9 năm 2010, Công ty đã thực hiện bán và đã thu tiền 4 gói phần mềm với doanh thu và lợi nhuận gộp tương ứng là 3.600.000.000 và hơn 600.000.000 đồng.

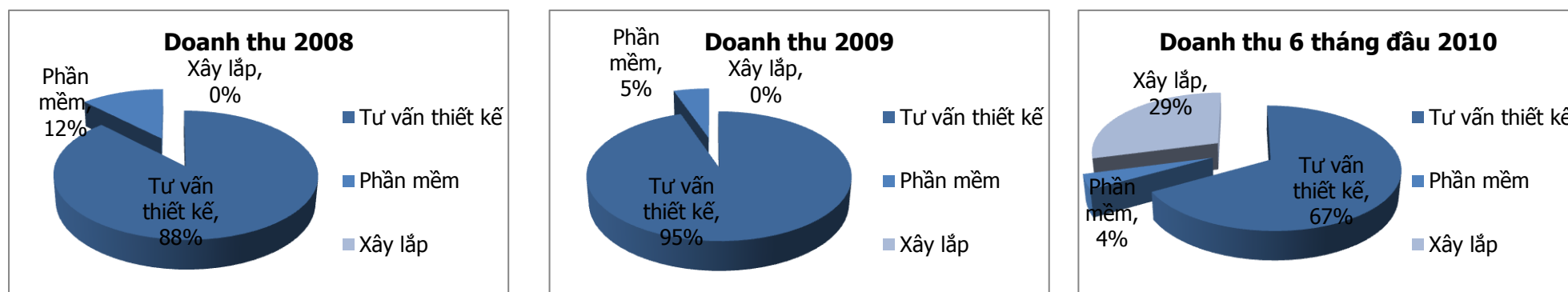
Các hoạt động còn lại dự kiến sẽ đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận cho Công ty từ cuối năm 2010.

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu từ 2008 đến 30.06.2010

Doanh thu hoạt động	Năm 2008		Năm 2009		6 tháng đầu 2010	
	Giá trị (VND)	%	Giá trị (VND)	%	Giá trị (VND)	%
Tư vấn thiết kế	8.724.000.000	87,76%	16.703.000.000	94,76%	7.149.307.547	66,88%
Sản xuất phần mềm	1.217.030.237	12,24%	923.151.025	5,24%	423.700.000	3,96%
Xây lắp	-	0,00%	-	0,00%	3.116.133.642	29,15%
Tổng doanh thu thuần	9.941.030.237	100,00%	17.626.151.025	100,00%	10.689.141.189	100,00%

Nguồn: Vạn Xuân

Hình 5: Cơ cấu doanh thu từ 2008 đến 30.06.2010



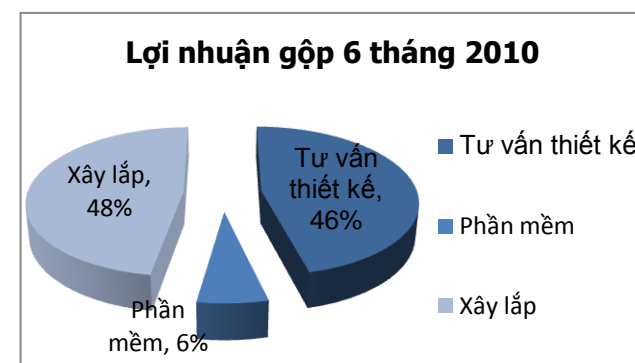
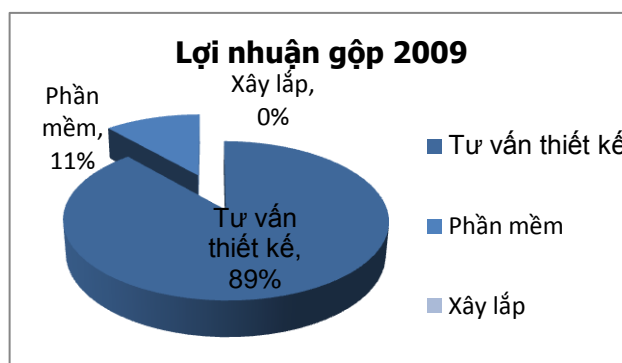
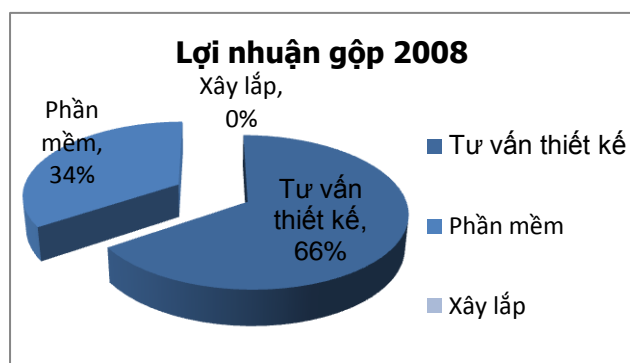
Nguồn: Vạn Xuân

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp từ 2008 đến 30.06.2010

Lợi nhuận gộp hoạt động	Năm 2008		Năm 2009		6 tháng đầu 2010	
	Giá trị (VND)	%	Giá trị (VND)	%	Giá trị (VND)	%
Tư vấn thiết kế	1.782.657.889	65,60%	5.690.554.998	88,53%	1.643.689.366	46,20%
Sản xuất phần mềm	934.698.824	34,40%	737.306.032	11,47%	221.153.212	6,22%
Xây lắp	-	0,00%	-	0,00%	1.693.072.515	47,59%
Tổng lợi nhuận gộp	2.717.356.713	100,00%	6.427.861.030	100,00%	3.557.915.093	100,00%

Nguồn: Vạn Xuân

Hình 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp từ 2008 đến 30.06.2010



Nguồn: Vạn Xuân

6.2. Các yếu tố đầu vào

Các yếu tố đầu vào và ảnh hưởng tới lợi nhuận

Tại thời điểm hiện tại Công ty mới chỉ triển khai hoạt động tư vấn thiết kế viễn thông, sản xuất và kinh doanh phần mềm là chủ yếu. Hoạt động thi công công trình viễn thông chiếm tỉ trọng không đáng kể nên yếu tố đầu vào của hoạt động này chưa ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với hai hoạt động chính hiện nay, các yếu tố đầu vào quan trọng nhất là nhân công và khấu hao, đặc biệt là khấu hao phần mềm. Khi các phần mềm khấu hao hết, tỉ suất lợi nhuận gộp biên của hoạt động này sẽ rất cao. Về chi phí nhân công, mức lương trung bình hiện tại của Công ty là 6 triệu đồng/tháng. Hàng năm Công ty đều thực hiện tăng lương để bù trượt giá và khuyến khích nhân viên làm việc. Do đó, sự biến động của chỉ số giá tiêu dùng sẽ ảnh hưởng phần nào tới chi phí giá vốn, cụ thể là chi phí nhân công của Công ty, qua đó ảnh hưởng tới lợi nhuận của Công ty.

Đối với hoạt động đào tạo dự kiến sẽ triển khai trong tháng 07 năm 2010, các yếu tố đầu vào cũng tương tự như hoạt động tư vấn thiết kế viễn thông.

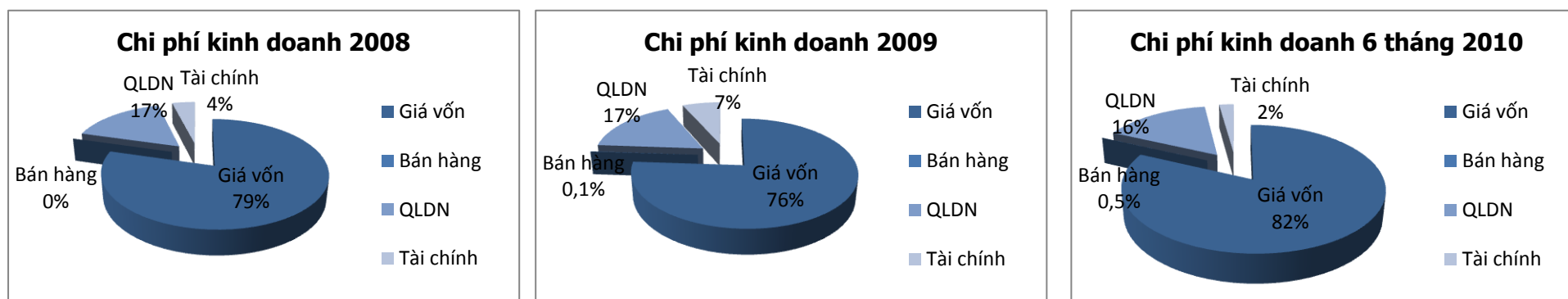
Đối với hoạt động giám sát hành trình xe và thiết bị đầu cuối, ngoài chi phí khấu hao chiếm tỉ trọng cao, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cũng là một vấn đề mà Công ty luôn có biện pháp quản lý rủi ro. Cụ thể, nguyên vật liệu trực tiếp của hoạt động này là thiết bị đầu cuối viễn thông được Công ty nhập khẩu khoảng 40% (Chip của Intel và một số linh kiện từ Đài Loan) và mua ở trong nước khoảng 60%. Chính vì vậy sự biến động của tỉ giá hối đoái, giá tiêu dùng sẽ ảnh hưởng khá lớn tới giá vốn của hoạt động này. Tuy nhiên sự liên tục của hoạt động này thì không bị ảnh hưởng do Công ty luôn xác định phải có một lượng nguyên vật liệu lưu kho dự phòng trường hợp khan hiếm hàng hóa.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 5: Tỷ trọng các khoản mục chi phí kinh doanh so với doanh thu thuần

Chi phí	Năm 2008		Năm 2009		6 tháng đầu 2010	
	Giá trị (VND)	%	Giá trị (VND)	%	Giá trị (VND)	%
Giá vốn	7,223,673,524	72.7%	11,198,289,995	63.5%	7.131.226.096	66,71%
Bán hàng	-	0.0%	10,079,844	0.1%	1.960.976	0,02%
Quản lý doanh nghiệp	1,504,084,144	15.1%	2,542,527,651	14.4%	1.382.438.530	12,93%
Tài chính	360,672,808	3.6%	972,166,757	5.5%	190.198.445	1.78%
Tổng chi phí kinh doanh	9,088,430,476	91.4%	14,723,064,247	83.5%	8.705.824.047	81,45%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008 và 2009 và BCTC bán niên 2010 soát xét của Vạn Xuân

Hình 7: Cơ cấu chi phí kinh doanh từ 2008 đến 30.06.2010


Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC bán niên 2010 soát xét của Vạn Xuân

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất của Công ty. Tỉ trọng giá vốn trên doanh thu thuần giảm mạnh từ 73% trong năm 2008 xuống còn 64 – 66% trong năm 2009 và 6 tháng đầu năm 2010. Điều này cho thấy sự quản lý chặt chẽ, hợp lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, việc Ban lãnh đạo Công ty đề ra chiến lược chú trọng đầu tư vào các hoạt động có tỉ lệ lợi nhuận gộp cao cũng là một yếu tố góp phần làm giảm tỉ trọng giá vốn trên doanh thu thuần.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỉ trọng ổn định trong tổng chi phí kinh doanh. Công ty đang hướng tới việc giảm tỉ trọng của chi phí này để nâng cao năng lực quản lý.

Chi phí tài chính

Về con số tuyệt đối, chi phí tài chính năm 2009 tăng khoảng 3 lần so với năm 2008 do nhu cầu vốn của Công ty tăng để thực hiện nhiều hợp đồng mới. Tuy nhiên chi phí này hoàn toàn nằm trong sự kiểm soát và quản lý rủi ro của Công ty, ngay cả khi lãi suất tăng mạnh (như cuối năm 2008) bởi chi phí tài chính chỉ chiếm khoảng 5-7% tổng chi phí của Công ty.

6.4. Trình độ công nghệ

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chính là tư vấn thiết kế viễn thông; giám sát hành trình xe; sản xuất và kinh doanh phần mềm, nhân lực là một yếu tố then chốt trong việc quyết định trình độ công nghệ của Công ty.

Nhận thức rõ điều này nên Ban lãnh đạo Công ty luôn tập trung cao độ trong việc tạo môi trường làm việc thoải mái cho nhân viên nhằm phát huy tối đa khả năng sáng tạo và năng lực làm việc của nhân viên cũng như kiểm soát chặt chẽ đầu vào để giảm thiểu việc kiểm tra, kiểm soát. Chính vì vậy toàn bộ nhân lực của Công ty đều là những người có trình độ bằng cấp và được đào tạo tại các trường chuyên môn cao trong và ngoài nước, có sức khỏe, có nhiệt huyết, và đặc biệt đều có kinh nghiệm nhiều năm trong nghề.

6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Phòng kỹ thuật kinh doanh là phòng chịu trách nhiệm kiểm chất lượng theo tiêu chuẩn quy trình nội bộ của doanh nghiệp và tiêu chuẩn của cơ quan quản lý.

Bảng 6: Một số tiêu chuẩn, quy phạm áp dụng cho sản phẩm của Công ty

TT	Tên tiêu chuẩn, quy trình quy phạm	Mã hiệu
1.	Quy phạm chống sét và tiếp đất cho các công trình viễn thông.	TCN 68-174:2006
2.	Công trình ngoại vi viễn thông (Quy định kỹ thuật)	TCN 68-254:2006
3.	Cột bê tông treo cáp thông tin tiêu chuẩn kỹ thuật	TCCS 01-2009/VNPT
4.	Tiếp đất cho các công trình viễn thông	TCN 68-141:1999

Nguồn: Vạn Xuân

6.6. Hoạt động marketing

Chiến lược marketing của Công ty là:

Hiệu quả: Khách hàng sẽ luôn hài lòng với dịch vụ của Viễn thông Vạn Xuân.

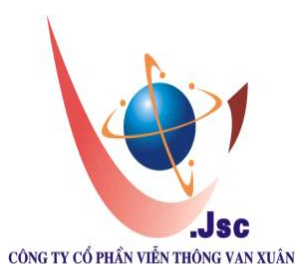
Tiến độ: Thời gian của khách hàng là vàng.

Với chiến lược này, Công ty đã khẳng định được với bạn hàng và đối tác thương hiệu tư vấn thiết kế viễn thông trên thị trường Việt Nam.

6.7. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã tiến hành thiết kế, xây dựng website thông tin về công ty và đăng ký tên miền trên mạng Internet như sau: www.vatel.com.vn

Logo của Công ty dự kiến sẽ được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ trong năm 2011:



6.8. Các hợp đồng và dự án lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 7: Danh sách các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện

TT	Hợp đồng	Trị giá	Đối tác	Thời gian		Sản phẩm
				Từ	Đến	
1.	Xây lắp cột anten dây co 65m tại Svay Chrum – Tỉnh Svayrieng – Cambodia	23.731,74 USD	Huawei Cambodia	10/2009	6/2010	Xây dựng anten
2.	Xây lắp cột anten dây co 65m tại Svay Teur – Tỉnh Svayrieng – Cambodia	21.875,53 USD	Huawei Cambodia	10/2009	6/2010	Xây dựng anten
3.	Xây lắp cột anten dây co 65m tại Cham Commune – Tỉnh Svayrieng – Cambodia	23.289,62 USD	Huawei Cambodia	10/2009	6/2010	Xây dựng anten
4.	Xây lắp cột anten tự đứng 65m tại Crey Commune – Tỉnh Svayrieng – Cambodia	48.174,15 USD	Huawei Cambodia	10/2009	6/2010	Xây dựng anten
5.	Xây lắp cột anten tự đứng 65m tại Chambok Commune – Tỉnh Svayrieng – Cambodia	47.395,73 USD	Huawei Cambodia	10/2009	6/2010	Xây dựng anten
6.	Đầu tư xây dựng mạng cáp quang ODN giai đoạn 2010 – 2012 khu vực tỉnh Hậu Giang – Viễn thông Cần Thơ – Hậu Giang	300.000.000 VNĐ	Viễn thông Cần Thơ – Hậu Giang	01/2010	08/2010	Tư vấn thiết kế
7.	Đầu tư xây dựng mạng cáp quang ODN giai đoạn 2010 – 2012 khu vực TP Cần Thơ – Viễn thông Cần Thơ – Hậu Giang	450.000.000 VNĐ	Viễn thông Cần Thơ – Hậu Giang	01/2010	08/2010	Tư vấn thiết kế
8.	Xây dựng các tuyến cáp quang ODN tại tỉnh Cà Mau giai đoạn 2010 – 2012 Viễn thông Cà Mau	300.000.000 VNĐ	Viễn thông Cà Mau	01/2010	08/2010	Tư vấn thiết kế

9.	Xây dựng mới mạng cáp quang phục vụ phát triển mạng FTTX AON giai đoạn 2009 – 2010 tỉnh Tiền Giang năm 2009	300.000.000 VNĐ	Viễn thông Tiền Giang	01/2010	09/2010	Tư vấn thiết kế
10.	Xây dựng các tuyến cáp quang thay thế vi ba – Viễn thông Tây Ninh năm 2010	200.000.000 VNĐ	Viễn thông Tây Ninh	04/2010	10/2010	Tư vấn thiết kế
11.	Cung cấp thiết bị giám sát hành trình xe phục vụ sản xuất kinh doanh – Công ty Cổ phần thiết bị Tân Phát	300.000.000 VNĐ	CTCP thiết bị Tân Phát	01/2010	10/2010	Thiết bị giám sát hành trình
12.	Cung cấp thiết bị và sử dụng hệ thống giám sát công ty CP Minh Trí Đức	62.000.000 VNĐ	Công ty CP Minh Trí Đức	04/2010	10/2010	Thiết bị giám sát hành trình
13.	Xây dựng hạ tầng bê tông treo cáp và xây dựng mạng truyền dẫn tại tỉnh Vĩnh Long năm 2009	301.000.000 VNĐ	Tập đoàn Viettel	2009	2010	Tư vấn thiết kế
14.	Xây dựng hạ tầng bê tông treo cáp và xây dựng mạng truyền dẫn tại tỉnh Trà Vinh năm 2009	251.000.000 VNĐ	Tập đoàn Viettel	2009	2010	Tư vấn thiết kế
15.	Xây dựng hạ tầng bê tông treo cáp và xây dựng mạng truyền dẫn tại tỉnh Cà Mau năm 2009	310.000.000 VNĐ	Tập đoàn Viettel	2009	2010	Tư vấn thiết kế
16.	Xây dựng hạ tầng bê tông treo cáp tại tỉnh Bến Tre năm 2009	187.000.000 VNĐ	Tập đoàn Viettel	2009	2010	Tư vấn thiết kế
17.	Xây dựng hạ tầng bê tông treo cáp tại tỉnh Bến Tre năm 2009	184.000.000 VNĐ	Tập đoàn Viettel	2009	2010	Tư vấn thiết kế

Nguồn: Vạn Xuân

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Bảng 8: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính từ 2008 đến 30.06.2010

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009		6 tháng đầu 2010
	(VNĐ)	Giá trị (VNĐ)	% thay đổi	(VNĐ)
Tổng giá trị tài sản	13.471.353.119	21.481.461.322	59%	23.391.322.380
Doanh thu thuần	9.941.030.237	17.626.151.025	77%	10.689.141.189
Lợi nhuận từ HĐKD	857.726.112	2.939.889.708	243%	2.038.185.689
Lợi nhuận khác	-	(1.826.097)	N/A	(1.286.513)
Lợi nhuận trước thuế	857.726.112	2.938.063.611	243%	2.036.899.176
Lợi nhuận sau thuế	824.210.865	2.513.650.264	1.166%	1.582.962.685
Tỷ lệ trả cổ tức	15% ²	20% ³	25%	N/A

Nguồn: BCTCKT 2008, 2009 và BCTC bán niên 2010 soát xét của Vạn Xuân

Xuất phát từ nhu cầu vốn để thực hiện nhiều hợp đồng hơn trong năm 2008, 1) Công ty thực hiện tăng Vốn Điều lệ từ 5,3 tỷ đồng lên 6,9 tỷ đồng (làm tròn); 2) Công ty đẩy mạnh việc sử dụng đòn bẩy (thông qua việc vay ngân hàng). Do đó cả tổng tài sản và doanh thu thuần trong năm 2009 đều tăng mạnh so với năm 2008. Doanh thu tăng chủ yếu do công ty đã chủ động mở rộng thị trường và lĩnh vực kinh doanh, qua đó đã mở rộng thị trường sang các doanh nghiệp ngoài VNPT như Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel, Huawei Việt Nam và đặc biệt đã mở rộng kinh doanh ra nước ngoài (Cambodia).

Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng mạnh do 1) Công ty tăng cường hiệu quả quản lý chi phí và 2) Công ty quán triệt triết lý kinh doanh là chú trọng vào các hoạt động có lợi nhuận gộp biên cao, vì vậy tỉ trọng giá vốn trên tổng chi phí kinh doanh cũng như doanh thu thuần đều giảm, cụ thể tỉ trọng giá vốn trên doanh thu thuần đã giảm từ 73% năm 2008 xuống còn 64% năm 2009.

² Công ty trả cổ tức bằng tiền mặt 15% cho năm tài khoá 2008

³ Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu 20% cho năm tài khoá 2009 (theo NQ ĐHCĐ thường niên 2010)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Thuận lợi trong hoạt động kinh doanh

- Trong các thương hiệu tư vấn, Vạn Xuân là một trong các thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam và là một trong các công ty có thị phần tư vấn viễn thông lớn nhất (theo đánh giá của khách hàng Công ty).
- Bộ máy tổ chức, hoạt động của Công ty đã đi vào ổn định, cán bộ nhân viên ngày một trưởng thành đủ sức đáp ứng các yêu cầu và thách thức trong các nhiệm vụ được giao; Lãnh đạo Công ty đều dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực viễn thông
- Công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ của các đối tác lớn như Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel và các công ty, bưu điện thành viên của các Tập đoàn trong các mặt hoạt động.
- Năm 2009, mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam có phần giảm so với các năm trước do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng ngành viễn thông vẫn tiếp tục phát triển tương đối tốt với tỷ lệ doanh thu toàn ngành tăng 61% so với năm 2008 (theo Bộ Thông tin Truyền thông). Việt Nam tiếp tục là một trong các nước có tốc độ phát triển điện thoại nhanh nhất thế giới. Mật độ điện thoại đạt trên 92,5 máy cho 100 dân, mật độ sử dụng Internet đạt 26,55% dân số cả nước (theo Bộ Thông tin Truyền thông). Chính vì vậy khách hàng của Công ty vẫn phát triển ổn định.

Khó khăn trong hoạt động kinh doanh

- Suy thoái kinh tế và lạm phát trong năm 2009 và nửa đầu năm 2010 khiến cho giá cả hàng hóa có nhiều biến động phức tạp, làm gia tăng khó khăn của Công ty trong việc quản lý hiệu quả chi phí sản xuất kinh doanh.
- Cạnh tranh trong ngành: Trong năm 2009, các thế mạnh kinh doanh truyền thống của Công ty (tư vấn thiết kế, xây lắp, cung cấp thiết bị giám sát hành trình) chịu sức ép rất lớn từ áp lực cạnh tranh giữa các đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực.
- Từ cuối năm 2008 chiến lược đầu tư của VNPT (đối tác lớn nhất của công ty) thay đổi, từ đầu tư cấp đồng sang đầu tư cấp quang, các công trình đầu tư mang tính nhỏ lẻ, chắp vá và vì thế ảnh hưởng rất lớn đến giá trị tư vấn thiết kế của công ty, giá trị tư vấn thấp, chi phí thực hiện công việc tăng cao.
- Xáo trộn trong mô hình tổ chức ở VNPT – khách hàng lớn của Công ty (Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam hoàn thành việc tách bưu chính và viễn thông trên phạm vi cả nước, thành lập các Tổng công ty vùng...), dẫn đến các kế hoạch đầu tư bị đẩy lùi, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh cũng như công tác khách hàng của Công ty, quan hệ với nhiều khách hàng và thị trường phải xây dựng mới.

- Trong 6 tháng đầu năm 2010: do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, sức ép cạnh tranh lên hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng lớn khiến khả năng trúng thầu của Công ty ngày càng thấp.

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Thị phần của Công ty ngày càng được củng cố và mở rộng nhất là trong lĩnh vực Tư vấn thiết kế bưu chính viễn thông (ước khoảng 15% thị phần tư vấn thiết kế tại Việt Nam). Thương hiệu Vạn Xuân đã trở thành một trong những tên tuổi hàng đầu trong lĩnh vực này. Đặc biệt công ty đã mở ra một lĩnh vực kinh doanh mới hứa hẹn sẽ mang lại cho công ty những nguồn thu ổn định đó là kinh doanh thiết bị giám sát hành trình. Đến thời điểm này công ty đã mở rộng được nhiều đại lý phân phối thiết bị này.
- Với kinh nghiệm nhiều năm và đội ngũ cán được đào tạo cơ bản, Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân đã trở thành một đối tác tin cậy, tín nhiệm của của các đơn vị trong ngành Bưu chính viễn thông. Khách hàng chủ yếu của công ty là các viễn thông, bưu điện tỉnh, thành trong cả nước, các công ty trong VNPT như VDC, Vinaphone, VTN, VTI, Mobiphone, VASC... Ngoài ra, Công ty còn có mối quan hệ hợp tác với nhiều đối tác trong và ngoài nước trên lĩnh vực điện tử, tin học, viễn thông như Viettel, EVN Telecom, Vinashin..., nhờ đó, Vạn Xuân có điều kiện nắm bắt các công nghệ mới, đủ khả năng thực hiện các dự án lớn.
- Đối với hoạt động giám sát hành trình xe (một hoạt động chủ đạo của Công ty trong tương lai): Công ty là một trong những công ty đi đầu trong ngành được đầu tư phần mềm, chất lượng thiết bị và có chỗ đứng vững vàng trong thị trường. Do đó hoạt động này hứa hẹn sẽ mang lại tỉ trọng lợi nhuận cao cho Công ty.

8.2. Điểm mạnh điểm yếu, cơ hội và thách thức của Công ty

Điểm mạnh

- Công ty đã có kinh nghiệm trong ngành, có mạng lưới khách hàng truyền thống. Uy tín và vị thế về hoạt động Tư vấn thiết kế và kinh doanh thiết bị đã được khẳng định.
- Đội ngũ lãnh đạo cao cấp có tầm nhìn chiến lược, có năng lực lãnh đạo và định hướng phát triển tốt với trên 10 năm kinh nghiệm trong ngành. Ban lãnh đạo Công ty linh hoạt, mạnh dạn trong việc sử dụng vốn đầu tư, đa dạng hoá hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty có các chi nhánh hoạt động trải khắp Bắc, Trung, Nam nên rất thuận lợi trong việc phối hợp tổ chức thực hiện hợp đồng, chuyển giao hàng hoá cho khách hàng kịp thời nhanh chóng.

Điểm yếu

- Công tác quảng bá và khuyến trương chưa thực sự tốt.
- Lĩnh vực thi công xây lắp mới mở ra còn chưa hiệu quả.
- Vốn của Công ty nhỏ do đó Công ty phải bỏ qua nhiều cơ hội đầu tư hiệu quả.

Cơ hội

- Tốc độ tăng trưởng ngành viễn thông sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao trong các năm tới, và sẽ đi vào chiều sâu. Trong năm 2009, việc cấp phép cho dịch vụ 3G- công nghệ di động cho phép truyền dữ liệu như video, ảnh... tốc độ cao sẽ làm gia tăng đầu tư và có tác dụng kích thích nhu cầu đối với các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, các ngành công nghiệp ăn theo 3G sẽ phát triển theo, tạo thêm cơ hội mới cho lĩnh vực tư vấn thiết kế viễn thông.
- Chính sách khuyến khích phát triển viễn thông, tin học của Nhà nước sẽ tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi cho Công ty trong những giai đoạn phát triển sắp tới.
- Việt Nam gia nhập WTO, thị trường viễn thông sẽ mở cửa, nhiều nhà đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông sẽ gia nhập thị trường làm gia tăng nhu cầu đầu tư thiết bị, hạ tầng viễn thông.

Thách thức

- Tốc độ phát triển cao của ngành viễn thông và công nghệ thông tin có sức hút to lớn các doanh nghiệp viễn thông mới xâm nhập vào thị trường. Cùng với nó là mức độ cạnh tranh ngày càng sôi động hơn bao giờ hết. Việc chia sẻ thị phần giữa các doanh nghiệp trong ngành diễn ra nhanh, mạnh cùng với việc chuyển đổi từ cạnh tranh về giá sang cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới việc kinh doanh và phát triển của các khách hàng của Vạn Xuân, qua đó ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, thiết bị và dịch vụ viễn thông trong và ngoài VNPT cũng đang diễn ra vô cùng khốc liệt và đây là một trong các nguy cơ mà các doanh nghiệp như Vạn Xuân đang phải đối mặt.
- Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ viễn thông đặt ra một thách thức đối với đội ngũ cán bộ kinh doanh của Công ty, đòi hỏi họ phải không ngừng cập nhật, nâng cao trình độ để bắt kịp với yêu cầu phát triển và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

8.3. Triển vọng của ngành

Với hoạt động chủ đạo là tư vấn thiết kế bưu chính viễn thông, sự phát triển của Vạn Xuân gắn liền với sự phát triển của lĩnh vực Bưu chính viễn thông của đất nước. Tốc độ tăng mật độ điện thoại và mạng lưới Internet trong những năm qua làm gia tăng nhu cầu về cáp và thiết bị viễn thông.

Trong những năm gần đây, thị trường viễn thông – công nghệ thông tin Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc với mức tăng trưởng 25% hàng năm, đóng góp khoảng 10% vào tăng trưởng GDP của đất nước (Tổng cục Thống kê). Theo thống kê của Liên minh viễn thông quốc tế (ITU), tốc độ phát triển điện thoại cố định của Việt Nam trong năm năm qua đạt trên 44%, là tốc độ cao nhất thế giới. Sự tăng trưởng viễn thông di động cũng luôn duy trì ở mức trên 60%. Sau hơn 10 năm phát triển dịch vụ Internet, đến cuối năm 2008, tỷ lệ người dùng Internet trên dân số tại Việt Nam đã đạt trên 24%, cao hơn mức bình quân của Châu Á (8,4%) và thế giới (16,9%). Ngoài ra, báo cáo mới nhất của ITU cho thấy chỉ số phát triển công nghệ thông tin – truyền thông (ICT Development Index – IDI) của Việt Nam đã tăng 7 bậc từ vị trí 93 năm 2007 lên vị trí 86 năm 2008 (trên tổng số 159 nước tham gia thống kê).

Nhiều chuyên gia trong ngành dự báo tới năm 2010 và 2020 viễn thông và Internet Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì mức phát triển cao hơn các nước công nghiệp mới và có thể thu hẹp dần khoảng cách với các nước G7.

Theo quy hoạch phát triển viễn thông và Internet đến năm 2010, viễn thông và Internet sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ tăng trưởng cao gấp 1,5- 2 lần tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế; đến năm 2010, tổng doanh thu dịch vụ viễn thông và Internet đạt khoảng 55 nghìn tỷ đồng (3,5 tỷ USD). Để đạt được mục tiêu trên, ngành đã đưa ra những định hướng phát triển chiến lược như: tăng cường cạnh tranh trong nước, hội nhập quốc tế; xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới viễn thông và Internet trên nền tảng công nghệ hiện đại để có dung lượng lớn, tốc độ cao; đẩy mạnh xây dựng mạng cáp quang đến khu vực nông thôn và phát triển mạng cáp quang đến cụm dân cư và các toà nhà lớn ở khu vực thành thị; ưu tiên phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ gia tăng.

Cùng với việc gia nhập WTO, chính sách khuyến khích phát triển viễn thông của Nhà nước như khuyến khích giảm giá cước viễn thông, internet, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh dịch vụ viễn thông và Internet trong môi trường cạnh tranh công bằng, v.v. sẽ thúc đẩy sự gia nhập thị trường của nhiều công ty trong và ngoài nước, tạo động lực để các công ty tăng cường đầu tư. Tổng số vốn đầu tư cho các dự án trọng điểm của ngành giai đoạn 2006 - 2010 ước tính là 100.500 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, sau khi được cấp phép dịch vụ 3G, với cam kết đầu tư hàng nghìn tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc cung cấp dịch vụ này của bốn nhà khai thác viễn thông (Vinaphone, Mobifone, Viettel, EVN+HT Mobile), Vạn Xuân nhận định sẽ là cơ hội để Công ty tham gia vào các dự án, gói thầu cung cấp các thiết bị, sản phẩm, mặt hàng và các dịch vụ phục vụ cho phát triển mạng 3G của các nhà cung cấp dịch vụ nêu trên khi họ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Do đó, các hoạt động kinh doanh thiết bị viễn thông, tin học, sẽ có nhiều cơ hội phát triển. Hoạt động trong một ngành kinh tế hiệu quả và có tiềm năng tăng trưởng cao như vậy là một cơ hội lớn cho các Công ty kinh doanh các sản phẩm viễn thông như Vạn Xuân.

Trong tương lai gần (cuối năm 2010), hoạt động cung cấp dịch vụ giám sát hành trình xe sẽ trở thành một trong hai hoạt động chủ đạo của Công ty. Trong khi đó, lĩnh vực này hứa hẹn nhiều tiềm năng do ngành vận tải vẫn đang tiếp tục phát triển theo nhu cầu của người dân.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế và quy hoạch phát triển của ngành, Công ty đã có những định hướng kinh doanh nhất định cho giai đoạn tới nhằm nắm bắt cơ hội, khai thác điểm mạnh, hạn chế điểm yếu để vượt qua những nguy cơ, thách thức đến từ bên ngoài như sau:

- Tiếp tục củng cố và phát triển có hiệu quả hoạt động kinh doanh truyền thống là Tư vấn thiết kế và thi công xây lắp thông qua việc tăng cường khả năng bán hàng và quản lý tốt chi phí sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường và hoàn thiện hệ thống xuất nhập khẩu, phân phối và quản lý hệ thống thiết bị giám sát hành trình
- Tích cực mở rộng kinh doanh các mặt hàng mới, công nghệ cao, mở rộng chủng loại sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường;
- Tăng cường tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới, các dự án đầu tư dài hạn mang lại lợi nhuận cao như tìm đối tác để hợp tác đầu tư, khai thác hạ tầng viễn thông tại các khu công nghiệp, khu đô thị, cao ốc ...
- Trở thành nhà phân phối độc quyền của các hãng thiết bị viễn thông uy tín;
- Theo dõi phân tích hoạt động của các công ty đã tham gia góp vốn để có biện pháp phối hợp cụ thể đảm bảo an toàn và hiệu quả vốn đầu tư.
- Với định hướng phát triển ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới, có thể thấy chiến lược phát triển doanh nghiệp cho những năm tới của Công ty là hoàn toàn phù hợp và hứa hẹn sự thành công.
- 6 tháng đầu năm 2009 với sự kiện cấp phép dịch vụ 3G với cam kết đầu tư hàng tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc cung cấp dịch vụ 3G của 04 nhà khai thác viễn thông (Vinaphone, Mobifone, Viettel, EVN+HT Mobile) chính là cơ hội để Công ty tham gia vào các dự án, gói thầu của các nhà cung cấp dịch vụ trên. Công ty đã xác định phương hướng phát triển kinh doanh các thiết bị, sản phẩm, mặt hàng và các dịch vụ phục vụ cho phát triển mạng 3G trong những năm tới.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

9.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Bảng 9: Cơ cấu lao động tại 30.06.2010

Cơ cấu theo giới		
Giới	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Nam	71	90
Nữ	8	10
Tổng	79	100

Cơ cấu theo trình độ		
Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Đại học và +	51	64
Cao đẳng và trung cấp	24	30
Lao động có tay nghề	4	6
Tổng	79	100

Nguồn: Vạn Xuân

9.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp

Tuyển dụng

Tất cả người lao động làm việc tại Công ty Vạn Xuân đều được tuyển dụng và ký Hợp đồng Lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động theo các loại hợp đồng không xác định thời hạn và có thời hạn từ 1 đến 3 năm. Người lao động trong Công ty được đảm bảo các chế độ về bảo hiểm, an toàn lao động, chế độ làm thêm giờ, thời gian nghỉ ngơi và các chế độ với lao động nữ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động từ đó, người lao động luôn an tâm gắn bó với Công ty.

Chính sách đào tạo

Công ty luôn tạo điều kiện và khuyến khích người lao động học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để công tác đạt hiệu quả cao. Hàng năm, Công ty có chính sách đào tạo các cán bộ chủ chốt và cán bộ nghiệp vụ tùy theo yêu cầu công việc. Công ty rất chú trọng đến công tác đầu tư và bồi dưỡng lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật, vì đây là lực

lượng hỗ trợ và hậu thuẫn trong công tác bán hàng, đặc biệt là với các mặt hàng thiết bị công nghệ cao.

Chính sách lương thưởng

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Nhằm khuyến khích CBCNV gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ, đột xuất cho các cá nhân và tập thể. Mức lương trung bình tại Công ty trong năm 2008, 2009 lần lượt là 5,5 và 6 triệu đồng/người/tháng. Con số này trong năm 2010 dự kiến là 6,5 triệu đồng/người/tháng.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Từ khi thành lập công ty đến nay, Công ty đều duy trì mức cổ tức ổn định cho cổ đông. Tỷ lệ cổ tức trong năm 2006 là 20%, năm 2007 là 30%, năm 2008 là 15%, năm 2009 là 20% (trả cổ tức bằng cổ phiếu). Trong ba năm tới, mức cổ tức dự kiến là từ 20% -30%.

11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Trích Khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao theo khung thời gian quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2003.

Bảng 10: Số khấu hao năm cho các loại tài sản cố định

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	5-50 năm
2.	Máy móc, thiết bị	5-15 năm
3.	Phương tiện vận tải	6-30 năm
4.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10 năm

Nguồn: Vạn Xuân

Hàng tồn kho

Từ năm 2009 Công ty bắt đầu kinh doanh thiết bị đầu cuối viễn thông, do đó bắt đầu có hàng tồn kho.

Bảng 11: Chi tiết hàng tồn kho từ 2008 đến 30.06.2010

Chỉ tiêu	31.12.2008 (VNĐ)	31.12.2009 (VNĐ)	30.06.2010 (VNĐ)
1. Hàng mua đang đi đường	-	153.823.821	-
2. Công cụ dụng cụ	-	-	-
3. CPSXKDDD	-	1.591.887.087	177.705.000
4. Hàng hóa	-	90.329.088	347.825.827
Tổng	-	1.836.039.996	525.530.827

Nguồn: BCTCKT 2008, 2009 và BCTC bán niên 2010 soát xét của Vạn Xuân

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay.

Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 12: Chi tiết các khoản phải nộp Nhà nước từ 2008 đến 30.06.2010

Thuế	31.12.2008 (VNĐ)	31.12.2009 (VNĐ)	30.06.2010 (VNĐ)
1. Giá trị gia tăng phải nộp	656.977.203	1.221.223.928	1.237.985.289
2. Thu nhập doanh nghiệp	440.501.818	176.464.169	66.234.992 ⁴
3. Thu nhập cá nhân	21.451.952	21.451.952	21.451.952
Tổng	1.118.930.973	1.419.140.049	1.325.672.233

Nguồn: BCTCKT 2008, 2009 và BCTC bán niên 2010 soát xét của Vạn Xuân

Trích lập các quỹ

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

⁴ Thuế TNDN tại 30.06.2010 = Thuế TNDN tại 31.12.2009 (176.464.169) + Thuế TNDN phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2010 (453.936.491) – Thuế TNDN đã nộp bằng tiền trong 6 tháng đầu năm 2010 (154.677.820) – Thuế TNDN được khấu trừ do Công ty đã nộp thuế nhà thầu tại Campuchia (409.487.848)(trang 22 BCTC bán niên 2010 soát xét)

- Quỹ bổ sung Vốn Điều lệ: mức trích hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ (bắt đầu trích từ 2010);
- Quỹ dự phòng tài chính: mức trích hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
- Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: được trích lập theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, trong các năm qua Công ty đã trích lập và sử dụng các quỹ như sau:

Bảng 13: Chi tiết các quỹ từ 2008 đến 30.06.2010

Chỉ tiêu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH ⁵	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Năm 2008				
Số dư đầu kỳ	-	-	50.783.843	(7.919.508)
Phát sinh tăng	-	-	720.209.587	337.806.759
Phát sinh giảm	-	-	333.886.628	99.755.220
Số dư cuối kỳ	-	-	437.106.802	230.132.031
Năm 2009				
Số dư đầu kỳ	-	-	437.106.802	230.132.031
Phát sinh tăng	376.391.177	78.715.625	-	-
Phát sinh giảm	-	-	437.106.802	226.415.301
Số dư cuối kỳ	376.391.177	78.715.625	-	3.716.730
6 tháng đầu 2010				
Số dư đầu kỳ	376.391.177	78.715.625	-	3.716.730
Phát sinh tăng	610.000.000	200.000.000	1.512.293.313	144.321.465
Phát sinh giảm	-	-	-	29.393.000
Số dư cuối kỳ	986.391.177	278.715.625	1.512.293.313	118.645.195

Nguồn: BCTCKT 2008, 2009 và BCTC bán niên 2010 soát xét của Vạn Xuân

⁵ Từ năm 2010, Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu là Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều lệ

Dư nợ vay**Bảng 14: Chi tiết các khoản nợ vay 2008 đến 30.06.2010**

Chỉ tiêu	31.12.2008 (VNĐ)	31.12.2009 (VNĐ)	30.06.2010 (VNĐ)
1. Vay ngắn hạn	2.470.000.000	6.764.000.000	6.557.462.000
<i>Ngân hàng SHB</i>	<i>1.200.000.000</i>	-	-
<i>Ngân hàng VP</i>	-	<i>744.000.000</i>	<i>600.000.000</i>
<i>Agribank</i>	-	<i>2.000.000.000</i>	<i>1.657.462.000</i>
<i>Vay cá nhân</i>	<i>1.270.000.000</i>	<i>4.020.000.000</i>	<i>4.300.000.000</i>
2. Vay dài hạn	323.799.856	201.297.876	
Tổng	2.793.799.856	6.965.297.876	

Nguồn: BCTCKT 2008, 2009 và BCTC bán niên 2010 soát xét của Vạn Xuân

Bảng 15: Chi tiết các hợp đồng vay tại thời điểm 30.06.2010

Đối tác	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Tổng giá trị hợp đồng	Giá trị còn lại phải trả
NH NN&PTNT	12%	21.7.2010	2.000.000.000 ⁶	1.657.462.000
NH VIB Bank	12%	5.8.2010	600.000.000	600.000.000
Tổng			2.600.000.000	2.600.000.000

Nguồn: Vạn Xuân

Tình hình công nợ hiện nay**Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu từ 2008 đến 30.06.2010**

Chỉ tiêu	31.12.2008 (VNĐ)	31.12.2009 (VNĐ)	30.06.2010 (VNĐ)
1. Phải thu của khách hàng	8.498.316.467	12.287.094.022	14.760.413.647
2. Trả trước cho người bán	-	-	11.000.000
2. Các khoản phải thu khác	19.341.600	315.500.000	336.817.794
Tổng	8.517.658.067	12.602.594.022	15.108.231.441

Nguồn: BCTCKT 2008, 2009 và BCTC bán niên 2010 soát xét của Vạn Xuân

⁶ Đến thời điểm hiện tại (23.09.2010), Công ty đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi khoản nợ vay trên tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả từ 2008 đến 30.06.2010 (trừ nợ vay)

Chỉ tiêu	31.12.2008 (VNĐ)	31.12.2009 (VNĐ)	30.06.2010 (VNĐ)
1. Người mua trả tiền trước	334.132.126	2.295.693.085	69,094,296
2. Thuế và các khoản phải nộp	1.118.930.973	1.419.140.049	1.325.672.233
3. Phải trả công nhân viên	267.501.948	214.458.123	-
4. Chi phí phải trả	146.630.000	50.000.000	-
5. Các khoản phải trả phải nộp khác	2.014.306.773	932.422.767	936,216,092
Tổng	3.881.501.820	4.911.714.024	2.330.982.621

Nguồn: BCTCKT 2008, 2009 và BCTC bán niên 2010 soát xét của Vạn Xuân

Các khoản đầu tư tài chính

Công ty không thực hiện hoạt động đầu tư tài chính

11.2. Các chỉ tiêu tài chính

Bảng 18: Chi tiết chỉ tiêu tài chính từ 2008 đến 2009

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2008	2009
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,44	1,48
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,42	1,25
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,50	0,55
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,98	1,24
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho ⁷	Lần	N/A	6,10

⁷ Vòng quay hàng tồn kho được tính trên cơ sở trung bình hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ

Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,74	0,82
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	8,3%	14,3%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	12,1%	26,2%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	%	6,1%	11,7%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	8,6%	16,7%
Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần			
Thu nhập trên cổ phần ⁸	VNĐ/CP	1.555	4.081

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC kiểm toán 2008 và 2009 của Vạn Xuân

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

12.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

Bảng 19: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Số CMTND
Chủ tịch HĐQT	Ông Trần Như Canh	1970	181477107
Ủy viên HĐQT	Ông Vũ Tuấn Đức	1978	013065259
Ủy viên HĐQT	Ông Lương Thế Anh	1983	013063486
Ủy viên HĐQT	Ông Trần Tuấn Dũng	1970	013140030
Ủy viên HĐQT	Ông Diệp Xuân Kiên	1945	011215857

Nguồn: Vạn Xuân

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

Ông TRẦN NHƯ CANH	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
<i>Giới tính:</i>	Nam

⁸ Chỉ tiêu thu nhập trên cổ phần được tính dựa trên việc đã quy đổi mệnh giá cổ phần về 10.000 đồng

<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	14/02/1970
<i>Số CMTND:</i>	181477107 do Công an Nghệ An cấp ngày 20/03/2003
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Thanh Lâm, Thanh Chương, Nghệ An
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	C23 Lô 8 Khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(04) 3 6403503
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư điện tử Viễn thông
<i>Quá trình công tác:</i>	
Năm 1989 – 1994:	Học Đại học Bách khoa Hà Nội
Năm 1994 – 1996:	Đội thi công hàn nối, đo kiểm – Công ty Công trình Bưu điện, trực thuộc TCT BCVTVN – Chức vụ : kỹ sư thi công
Năm 1996 – 2004:	Xí nghiệp thiết kế - Công ty Công trình Bưu điện, trực thuộc TCT BCVTVN – Chức vụ Tổ trưởng tổ thiết kế
Năm 2004 – 2006 :	Xí nghiệp Tư vấn thiết kế - Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông, trực thuộc TCT BCVTVN – Chức vụ : Giám đốc Xí nghiệp Tư vấn thiết kế; Ủy viên HĐQT công ty cổ phần đầu tư thiết kế Viễn thông Cần Thơ
Năm 2006 - 2007:	Xí nghiệp Tư vấn thiết kế - Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông, trực thuộc TCT BCVTVN – Chức vụ : Giám đốc Xí nghiệp Tư vấn thiết kế; Ủy viên HĐQT; phó giám đốc công ty cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
Từ 2007-nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân; Phó TGD công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân; Phó TGD công ty Cổ phần Viễn thông Vạn

	Xuân
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	192.800 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Vợ: Nguyễn Thị Châu Giang: 100 CP Em: Trần Thị Hoa: 20.000 CP Em: Trần Thị Hoa Mai: 2.660 CP Em: Trần Thị Hải Yến: 100 CP
Ông VŨ TUẤN ĐỨC	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	08/03/1978
<i>Số CMTND:</i>	013065259 do Công an Hà Nội cấp ngày 28/03/2008
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Trực Đại, Trực Ninh, Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	P 204 – CT2 Bắc Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(04) 3 6403518
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư viễn thông
<i>Quá trình công tác:</i>	
Năm 1996-2001	Học Đại học Giao thông Vận tải HN
Năm 2001 – 2003	Công ty Cổ phần ETS – chức vụ : cán bộ kỹ thuật.
Năm 2003 – 2006	Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông – Chức vụ : Đội trưởng đội thiết kế

Năm 2006 – 3/2007	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
Năm 3/2007 – 5/2009	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
5/2009- nay:	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác</i>	Không
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	31.200 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Vợ: Lương Thị Thu Hằng: 53.000 CP Chị: Vũ Thị Thanh Hương: 100 CP Em: Vũ Mỹ Hạnh: 100 CP
Ông LƯƠNG THẾ ANH	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	15/06/1983
<i>Số CMTND:</i>	013063486do Công an Hà nội cấp ngày 04/04/2008
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Ân Thi, Hưng Yên
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Triều Khúc, Thanh Trì, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(04) 3 6403503



<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư điện tử viễn thông
<i>Quá trình công tác:</i>	
Năm 2003 – 2006:	Xí nghiệp thiết kế - Công ty Cổ phần xây lắp Bưu điện Hà Nội – Chức vụ : chuyên viên thiết kế
Năm 2006 – 3/2007:	Ủy viên HĐQT, giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
Năm 3/2007-2008:	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
Năm 2008 - 2009:	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân, trưởng đại diện tại Cambodia Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
2009-nay:	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách khu vực phía Nam, Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách khu vực phía Nam, Cty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác</i>	Không
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	55.400 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Vợ: Lê Thị Anh Thư: 8.300 CP Chị: Lương Thị Thanh Bình: 5.000 CP Em: Lương Nguyễn Anh: 1.200 CP
Ông TRẦN TUẤN DŨNG	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	30/06/1970
<i>CMTND:</i>	013141030 do Công an Hà Nội cấp ngày 13/01/2009
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Thanh Chương, Nghệ An
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	P302/N09 Tổ 64 phường Yên Hoà - Cầu Giấy Hà nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(04) 3 6403503
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư công nghệ thông tin
<i>Quá trình công tác:</i>	
Năm 1993 – 1996	Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ - Chức vụ: Chuyên viên TTCNTT
Năm 1996 – 2003	Công ty ImTech - Viện Cơ học –Chuyên viên TTCNTT
Năm 2003 – 2006	Công ty ASCOM – Chức vụ: Chủ nhiệm dự án
Năm 2006 – 2009	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc kiêm Giám đốc TTCNTT Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
Năm 2009 đến nay	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc TTCNTT – Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Ủy viên HĐQT, Giám đốc trung tâm Công nghệ thông tin – Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu cá nhân:</i>	6.000 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không

<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Vợ: Nguyễn Thị Vân Nam: 7.810 CP
Ông DIỆP XUÂN KIÊN	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	25/02/1945
<i>CMTND:</i>	011215857 do Công an Hà nội cấp ngày 01/12/2000
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Thái Bình
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	P103 G2 – Hào Nam – Đống Đa – Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(04) 3 6400888
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư Điện tử viễn thông, cử nhân luật, cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác:</i>	
Năm 1966 – 1976	Viện thiết kế bưu điện, sinh viên đại học kỹ thuật thông tin liên lạc – Chức vụ : thiết kế viên
Năm 1977 – 1986	Công ty công trình Bưu điện – Chức vụ: Phó trưởng phòng kế hoạch thi công
Năm 1987 – 1993	Quận Đống Đa – Chức vụ: Trưởng ban tổ chức nhân sự
Năm 1994 – 1998	Bộ nội vụ, chính phủ - chức vụ: chuyên viên thanh tra pháp chế
Năm 1999 – 2005	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – Chức vụ: Phụ trách nhân sự cấp cao tập đoàn, chánh văn phòng ban cán sự Đảng
Năm 2007 – nay	Ủy viên HĐQT, cố vấn Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân

<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Ủy viên HĐQT
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	16.600 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty
<i>Những người có liên quan:</i>	Không

12.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên BKS

Bảng 20: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Số CMTND
Trưởng ban BKS	Ông Nguyễn Bá Đồng	1979	183146224
Ủy viên BKS	Bà Đoàn Thị Thanh Nhanh	1982	111635926
Ủy viên BKS	Ông Trần Văn Tân	1975	01234153

Nguồn: Vạn Xuân

Sơ yếu lý lịch các thành viên BKS

Ông NGUYỄN BÁ ĐỒNG	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
<i>Gới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	30/04/1979
<i>CMTND:</i>	183146224 do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 25/12/2006
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Bùi Xá, Đức Thọ, Hà Tĩnh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	04.3 6403518

<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Thạc sỹ xây dựng
<i>Quá trình công tác:</i>	
Năm 2002 – 2003	Tổng công ty tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – Chức vụ: nhân viên thiết kế
Năm 2004 – nay	Trường Đại học giao thông vận tải – Giảng viên
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân
<i>Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu cá nhân:</i>	2.190 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Vợ: Trần Thị Hoa: 20.000 CP
Bà ĐOÀN THỊ THANH NHANH	ỦY VIÊN BAN KIỂM SOÁT
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	10/03/1982
<i>CMTND:</i>	111635926do Công an Hà Tây cấp ngày 11/01/2000
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Đồng Tiến, Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 24, ngách 122, ngõ 559 Đông Kim Ngưu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(04) 3 6403503
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12

<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác:</i>	
Năm 2003 - 2005:	CTCP Xây lắp Hòa Bình – Chức vụ : Kế toán tổng hợp
Năm 2005 - 2008:	Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ - Chức vụ : Kế toán tổng hợp
Năm 2008 - nay:	Công ty Cổ phần Việt Kim – Chức vụ : Kế toán tổng hợp
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Thành viên Ban kiểm soát
<i>Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu cá nhân:</i>	500 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Chồng Trần Tiến Dũng: 7.300 CP
Ông TRẦN VĂN TÂN	ỦY VIÊN BAN KIỂM SOÁT
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	28/02/1975
<i>CMTND:</i>	012334153 do Công an Hà Nội cấp ngày 16/05/1999
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Khu tập thể nhà máy pin Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(04) 3 6403503
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư Điện tử viễn thông

Quá trình công tác:

Năm 1998 - 2007:	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Bưu điện Hà Nội– Chủ trì thiết kế
Năm 2007 – nay :	Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân – Chức vụ : Giám đốc Xí nghiệp tư vấn viễn thông số 2.
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc xí nghiệp tư vấn viễn thông số 2
<i>Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu cá nhân:</i>	7.090 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Không

12.3. Danh sách và sơ yếu lí lịch Ban Tổng Giám đốc**Bảng 21: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Số CMTND
Tổng Giám đốc	Ông Vũ Tuấn Đức	1978	013065259
Phó Tổng Giám đốc	Ông Trần Như Canh	1970	011037204
Phó Tổng Giám đốc	Ông Lương Thế Anh	1983	013063486

Nguồn: Vạn Xuân

Chi tiết Sơ yếu lí lịch của ông Vũ Tuấn Đức, ông Trần Như Canh và ông Lương Thế Anh ở phần 12.1 Bản cáo bạch này.

12.4. Sơ yếu lí lịch kế toán trưởng

Kế toán trưởng: Bà LƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH

Sinh năm : 1979



Số CMTND : 013251186

Sơ yếu lí lịch kế toán trưởng

Bà LƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH	KẾ TOÁN TRƯỞNG
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	02/04/1979
<i>CMTND:</i>	013251186 do CA Hà Nội cấp ngày 3/12/2009
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hà Tĩnh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	SN 18, Ngõ 441, Lĩnh Nam – Hoàng Mai – Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	04 36403518
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác:</i>	
Năm 2001-2003	Công tác tại Công ty cơ khí 4 Thăng Long
Năm 2004 – 2007	Công tác tại Ngân hàng VIB
Năm 2006 – T8/2010	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH SX và TM Thành Vinh
T9/2010 – nay	Kế toán trưởng CTCP Viễn thông Vạn Xuân
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Kế toán trưởng CTCP Viễn thông Vạn Xuân
<i>Số cổ phần sở hữu cá nhân:</i>	0 cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Không

13. TÀI SẢN

Bảng 22: Chi tiết tài sản cố định tại 30.06.2010

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ
TSCĐ Hữu hình	1.550.808.677	768.640.435	782.168.242	20,87%
<i>Máy móc thiết bị</i>	38.400.000	16.000.000	22.400.000	0,60%
<i>Phương tiện vận tải</i>	1.117.668.240	541.348.340	576.319.900	15,37%
<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	394.740.437	211.292.095	183.448.342	4,89%
TSCĐ Vô hình⁹	3.530.768.000	564.280.120	2.966.487.880	79,13%
<i>Bản quyền phần mềm</i>	3.530.768.000	564.280.120	2.966.487.880	79,13%
TSCĐ thuê tài chính	0	0	0	0,00%
TỔNG	5.081.576.677	1.332.920.555	3.748.656.122	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính bán niên 2010 soát xét của Vạn Xuân

14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Bảng 23: Kế hoạch sản xuất kinh doanh từ 2010 - 2012

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Vốn điều lệ (triệu đồng)	12.000	20.000	28.000
Doanh thu (triệu đồng)	21.000	32.000	43.000
Lợi nhuận sau thuế (tiệu đồng)	3.400	5.250	9.000
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	16,2%	16,4%	20,93%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/VCSH	28,3%	26,25%	32,2%
Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	25%

Nguồn: Vạn Xuân

⁹ Trong tháng 9/2010, Công ty đã tiến hành bán và đã thu tiền 4 phần mềm do cổ đông góp vốn trong năm 2007 với doanh thu và lợi nhuận gộp tương ứng là 3.600.000.000 và hơn 600.000.000 đồng

Các giả định làm cơ sở cho kế hoạch trên:

- Vốn điều lệ của Công ty 2010-2012 dự kiến là 28.000 triệu đồng
- Mức thuế suất và các ưu đãi thuế: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi giảm 50% là 12,5% trong năm 2009. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010, 2011, 2012 là 25%.

Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 2010-2012

- Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã ký kết (xem Bảng 7: Danh sách các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện).
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên các nghiên cứu, khảo sát chi tiết về thị trường cũng như những đánh giá đúng mức về năng lực hiện có của Công ty, căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế và kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được năm 2008, 2009 và định hướng phát triển kinh doanh các năm tiếp theo của Công ty.
- Dự báo triển vọng phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam trong các năm tiếp theo. Tốc độ tăng trưởng kinh tế có thể được duy trì ở mức 6-7% sẽ tiếp tục tạo đà cho sự tăng trưởng của hạ tầng công nghệ viễn thông do đó mức cầu đối với sản phẩm và dịch vụ của Công ty vẫn tăng trong các năm tới.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2009 là 20% và Công ty dự kiến mức chi trả cổ tức không dưới 20% trong các năm sau. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế do ảnh hưởng của suy thoái, Công ty chủ trương giữ lại phần lớn lợi nhuận để phát triển hoạt động kinh doanh, tạo tiền đề cho phát triển bền vững của Công ty ở giai đoạn sau và đã được ủng hộ của các cổ đông.

Các giải pháp cụ thể thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong 3 năm tới:

- Duy trì và phát triển quan hệ với khách hàng hiện có thông qua chính sách chăm sóc khách hàng thường xuyên;
- Tích cực tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường ra ngoài các đơn vị thuộc VNPT như Viettel, EVN Telecom, Vinashin...
- Đa dạng hóa các sản phẩm kinh doanh, linh hoạt theo nhu cầu thị trường;
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ, cắt giảm chi phí hợp lý nâng cao hiệu quả hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Tiếp tục tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm soát, đối chiếu, thu hồi công nợ

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân, Công ty Chứng khoán Đầu tư cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân dự kiến trong giai đoạn 2010 – 2012 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Viễn thông Vạn Xuân.

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Không có

17. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

Không có

PHẦN 5: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. LOẠI CHỨNG KHOÁN

Cổ phiếu phổ thông

2. MỆNH GIÁ

10,000 đồng/cổ phần

3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

Số lượng cổ phiếu niêm yết : 1.200.000 cổ phiếu

Trị giá cổ phiếu niêm yết : 12.000.000.000 đồng

4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

4.1. Cổ đông sáng lập

Công ty được thành lập từ năm 2006 nên cổ phần của cổ đông sáng lập đã trở thành cổ phần tự do chuyển nhượng.

4.2. Cổ đông nội bộ bị hạn chế chuyển nhượng

Bảng 24: Danh sách cổ đông nội bộ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và quy định của Công ty

Chức vụ	Họ và tên	Số cổ phiếu sở hữu	Số CP bị hạn chế kể từ ngày niêm yết			
			6 tháng	Đến 15.04.2011	Đến 14.05.2011	12 tháng
Chủ tịch HĐQT	Trần Như Canh	192.800	192.800	192.800	172.907	96.400
Ủy viên HĐQT kiêm TGD	Vũ Tuấn Đức	31.200	31.200	31.200	30.735	15.600
Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	Lương Thế Anh	55.400	55.400	55.400	48.700	27.700
Thành viên HĐQT	Trần Tuấn Dũng	6.000	6.000	6.000	3.000	3.000
Thành viên HĐQT	Diệp Xuân Kiên	16.600	16.600	14.600	13.285	8.300
Trưởng BKS	Nguyễn Bá Đồng	2.190	2.190	2.190	1.095	1.095
Thành viên BKS	Đoàn Thị Thanh Nhanh	500	500	250	250	250
Thành viên BKS	Trần Văn Tân	7.090	7.090	4.590	4.295	3.545
TỔNG		311.780	311.780	307.030	274.267	155.890

Nguồn: Vạn Xuân

Giả định: Công ty sẽ niêm yết trước tháng 10/2011. Do đó đến ngày 15.04.2011, 100% cổ phiếu từ nguồn trả cổ tức trong tháng 4 2010 vẫn bị hạn chế chuyển nhượng và đến ngày 14.05.2011, 100% cổ phiếu phát hành trong tháng 5 2010 vẫn bị hạn chế chuyển nhượng. Từ ngày 15.05.2010, theo quy định của Công ty 100% cổ phiếu lưu hành của Công ty là cổ phiếu tự do chuyển nhượng. Khi đó, cổ đông nội bộ của Công ty chỉ bị hạn chế 50% cổ phiếu theo quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4.3. Cổ đông thường bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Công ty

Số lượng cổ phiếu của cổ đông thường bị hạn chế chuyển nhượng:

- Đến 15.04.2011 : 56.510 cổ phiếu
- Đến 14.05.2011 : 148.335 cổ phiếu

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Giá trị sổ sách trên cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên cổ phiếu} = \frac{\text{VCSH (không bao gồm Quỹ khen thưởng/Phúc lợi)}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

Căn cứ theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, giá trị sổ sách trên cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31.12.2009 là **138.419¹⁰ đồng**.

Căn cứ theo báo cáo tài chính soát xét bán niên 2010, giá trị sổ sách trên cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 30.06.2010 là **12.455 đồng¹¹**.

6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu niêm yết của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

¹⁰ Tại 31.12.2009, mệnh giá cổ phần của Công ty vẫn là 100.000 đồng.

¹¹ Theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, đối với các báo cáo tài chính từ năm 2010, quỹ khen thưởng phúc lợi sẽ chuyển vị trí từ hạng mục nguồn kinh phí và các quỹ khác lên hạng mục **nợ ngắn hạn**. Do đó giá trị sổ sách của cổ phiếu sẽ bằng khoản mục VỐN CHỦ SỞ HỮU/Số cổ phần đang lưu hành.

Ngày 15/4/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg quy định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1/6/2009 và thay thế Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông là người nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0 % (đến thời điểm 30.06.2010).

7. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

- Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh phần mềm, công ty được miễn thuế 4 năm đầu tiên và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh sản xuất phần mềm tin học và được hưởng ưu đãi thuế từ thu nhập của hoạt động này (Thông tư số 123/2004/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2004 hướng dẫn thực hiện ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp phần mềm)
- Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty (trừ hoạt động sản xuất và kinh doanh phần mềm) (Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ban hành ngày 03/06/2008).

Thuế Giá trị gia tăng

Theo Thông tư 129/2008/TT –BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 thì kinh doanh chứng khoán, hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

PHẦN 6: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 10 Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 222 00 672 Fax: (84.4) 222 00 669

Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh Công ty BSC tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Lầu 9, Toà nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 8 218 508

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam

Địa chỉ : Số 160 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 3868 9566 Fax: (84.4) 3868 6248

CÁC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Phụ lục 2: Điều lệ của Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu của Công ty niêm yết;
3. Phụ lục 3: Báo cáo tài chính:
 - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009
 - Báo cáo tài chính bán niên 2010 soát xét
4. Phụ lục 4: Nghị quyết ĐHCĐ 2010 thông qua việc niêm yết.

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VẠN XUÂN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

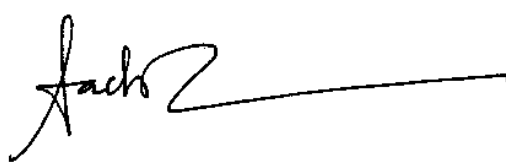


TRẦN NHƯ CANH

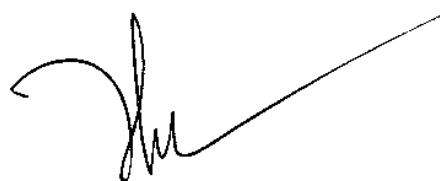
VŨ TUẤN ĐỨC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN BÁ ĐỒNG



LƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU THANH